CÔNG TY CP VẬN TẢI DẦU KHÍ
THÁI BÌNH DƯƠNG
PACIFIC PETROLEUM TRANPORTATION JOINT STOCK COMPANY

Số/*No.*: 145 /TBD-KHĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independent – Freedom - Happiness

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2025
Hochiminh City, 04 April 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM/*Hochiminh Stock Exchange*.

- Tên công ty/*Organization Name*: Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương/*Pacific Petroleum Transportation JSC., (PVTrans Pacific)*
- Mã chứng khoán/*Stock Symbol*: PVP
- Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM/*3rd Floor, PVFCCo Tower, No.43 Mac Dinh Chi Road, District 1, Hochiminh City*
- Điện thoại/*Telephone*: (84-28) 38228546 Fax/*Fax*: (84-28) 38228545
- Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông Hoàng Đức Chính – Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật/*Mr. Hoang Duc Chinh – Director and Legal Representative*
- Loại thông tin công bố/*Information disclosure type*:

☐ 24h/*24hrs* ☐ Yêu cầu/*On demand*
☐ Bất thường/*Extraordinary* ☑ Định kỳ/*Periodic*

- Nội dung thông tin công bố/*Contents of information disclosure*:

Công ty công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024. Thông tin trên đã được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: http://www.pacificshipping.vn/*The Company discloses the Annual Report 2024. This information was published on the company's website at this link: http://www.pacificshipping.vn*
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby declare to be responsible for the accuracy and completeness of the above information.*

***Nơi nhận/Recipients*:**
- Như trên/*As stated above*;
- HĐQT/*BOD*, BKS/*BOS* (để b/c/*to report*);
- Ban Giám đốc/*BOM* (để biết/*for information*);
- Lưu/*Filing*: VT/*Archives*, P.KHĐT/*P&I Dept.*, MN (02b/*02 copies*).

Đính kèm/Attached documents:
- Báo cáo thường niên năm 2024/*The annual report 2024.*

Người đại diện theo pháp luật
Legal Representative
GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0305475110 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG QUẬN 1 TP.HỒ CHÍ MINH

Hoàng Đức Chính

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC
VỮNG NIỀM TIN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

028-38228546 info@pacificshipping.vn pacificshipping.vn

MỤC LỤC

I THÔNG TIN CHUNG VỀ PVTRANS PACIFIC

1. Thông tin tổng quát 05
2. Quá trình hình thành và phát triển 06
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 08
4. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý 09
5. Định hướng phát triển 10
6. Các rủi ro 12

II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. Bối cảnh chung 15
2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 15
3. Tổ chức và nhân sự 16
4. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án 22
5. Tình hình tài chính 23
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 24

III BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 26
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 27

IV ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá chung về các mặt hoạt động của Công ty 29
2. Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc 30
3. Các kế hoạch và định hướng hoạt động của HĐQT 31

V QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị 33
2. Ban kiểm soát 35
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban GĐ, BKS năm 2024 36

VI BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Hiện trạng và mục tiêu ESG 38
2. Định hướng phát triển ESG 38
3. Mục tiêu phát triển bền vững giai đoạn 2024 - 2028 40

VII CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN, SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Hệ thống quản lý an toàn và lao động 42
2. Chăm sóc sức khỏe người lao động 42
3. Báo cáo các vấn đề về xã hội 42

VIII BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

1. Ý kiến kiểm toán 43
2. Báo cáo tài chính kiểm toán 43

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG VỀ PVTRANS PACIFIC

1 THÔNG TIN TỔNG QUÁT

☑ **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

☑ **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:** 0305475110

☑ **Vốn điều lệ:** 1.037.024.520.000 đồng

☑ **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** 1.037.024.520.000 đồng

☑ **Địa chỉ:** Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☑ **Số điện thoại:** 028-38228546

☑ **Số fax:** 028-38228545

☑ **Website:** www.pacificshipping.vn

☑ **Mã cổ phiếu:** PVP, giao dịch trên HOSE từ ngày 17/01/2023



2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2.1. DẤU MỐC THÀNH LẬP VÀ TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PVTrans Pacific) được thành lập theo Nghị quyết số 4195/NQ-DKVN ngày 14/12/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với các cổ đông sáng lập gồm Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) là cổ đông chi phối và các cổ đông Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí (PVFC), Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank).

Công ty chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28/01/2008; Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 13/10/2011 được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, Mã doanh nghiệp 0305475110 với vốn điều lệ là 942.750.280.000 đồng. Đến nay, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã thay đổi lần thứ 11 (ngày 18/10/2024), với vốn điều lệ là 1.037.024.520.000 đồng.

Năm 2010, Công ty PVTrans Pacific trở thành công ty đại chúng, được công nhận tại Công văn số 1411/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc Đăng ký công ty đại chúng.

Năm 2013, Công ty PVTrans Pacific đã đăng ký và được cấp mã chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận số 26/2013/GC-NCP-VSD ngày 17/10/2013.

Tháng 12/2016, Công ty chính thức hoàn thành đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom.

Đến năm 2022, Công ty hoàn thành việc chuyển niêm yết cổ phiếu từ sàn Upcom sang sàn Hose theo Quyết định số 900/QĐ-SGDHCM ngày 26/12/2022 của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM và bắt đầu niêm yết trên sàn Hose từ ngày 17/01/2023.

2.2. QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH

GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2008 - 31/3/2012

☑ Công ty được thành lập để làm chủ sở hữu dự án đầu tư 03 tàu dầu thô loại Aframax trọng tải 105.000 DWT tại Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (Vinashin), đảm nhận kinh doanh vận chuyển dầu thô cho các Nhà máy lọc dầu (NMLD) trong nước và kinh doanh khai thác vận tải trên thị trường quốc tế.

☑ Công ty hoạt động theo mô hình sở hữu tàu với nhân sự làm công tác quản lý vốn gọn nhẹ, còn lại toàn bộ hoạt động quản lý khai thác và quản lý kỹ thuật - an toàn đối với tàu dầu thô PVT Athena, dự án đóng mới 03 tàu chở dầu thô tại Vinashin (sau này được chuyển giao cho Dung Quất Shipyard - DQS) thuê Tổng công ty PVTrans quản lý.

☑ Dự án này do bị chậm tiến độ kéo dài, ảnh hưởng lớn đến tính khả thi theo mục tiêu ban đầu của dự án nên về sau dự án được chuyển đổi mục đích. Theo đó, được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và các cấp có thẩm quyền, PVTrans Pacific đã quyết liệt rà soát và thực hiện điều chỉnh dự án đóng mới 03 tàu Aframax trọng tải 105.000 DWT thành dự án mua 01 tàu và đóng 01 tàu 105.000 DWT. Năm 2012 dự án đóng 01 tàu vận tải dầu thô 105.000 DWT được chuyển đổi thành Kho nổi chứa xuất dầu FSO phục vụ cho Mỏ Đại Hùng.

GIAI ĐOẠN TỪ 01/4/2012 - NAY

☑ Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tự chủ trong sản xuất kinh doanh với bộ máy tổ chức quản lý đầy đủ của một Công ty shipping, hoạt động đa ngành trong đó lĩnh vực chính là trực tiếp kinh doanh quản lý, khai thác các tàu do Công ty sở hữu, thuê/cho thuê tàu để khai thác thị trường quốc tế và thực hiện dịch vụ quản lý, khai thác đội tàu dầu thô cho Tổng công ty PVTrans tham gia vận chuyển dầu thô cho các Nhà máy Lọc dầu trong nước.

☑ Tính đến 31/12/2024, đội tàu do Công ty đang sở hữu gồm 01 tàu FSO (hoàn thành đầu tư và đưa vào khai thác từ 5/2015) phục vụ khai thác mỏ Đại Hùng, 01 tàu dầu thô Aframax, 02 tàu dầu hoá chất MR đang khai thác trên thị trường quốc tế.

☑ Cùng với việc chuyển đổi mô hình hoạt động và mở rộng sản xuất kinh doanh, Công ty đã hoàn thiện về mặt cơ cấu tổ chức gồm Ban Điều hành và 07 phòng chức năng chuyên môn là: Phòng Khai thác Thương vụ, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kỹ thuật Vật tư, Phòng An toàn Pháp chế và Quản lý Thuyền viên, Phòng Kế hoạch Đầu tư và Phòng Kiểm toán Nội bộ.

3 NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

3.1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

☑ KINH DOANH VẬN TẢI DẦU THÔ, DẦU SẢN PHẨM VÀ SẢN PHẨM HÀNG LỎNG

☑ CHO THUÊ TÀU

☑ QUẢN LÝ KHAI THÁC TÀU

☑ DỊCH VỤ MÔI GIỚI TÀU BIỂN, ĐẠI LÝ HÀNG HẢI, CUNG ỨNG TÀU BIỂN

☑ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

☑ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ TRỰC TIẾP CHO VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY

☑ KINH DOANH VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC QUỐC TẾ

3.2. ĐỊA BÀN KINH DOANH

KHU VỰC PHÍA BẮC:
Hà Nội, Hải Phòng, ...

KHU VỰC PHÍA NAM:
Vũng Tàu, Đồng Nai, Thành Phố Hồ Chí Minh.

PETROVIETNAM PVTRANS-PAC

KHU VỰC MIỀN TRUNG:
Thanh Hóa, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, ...

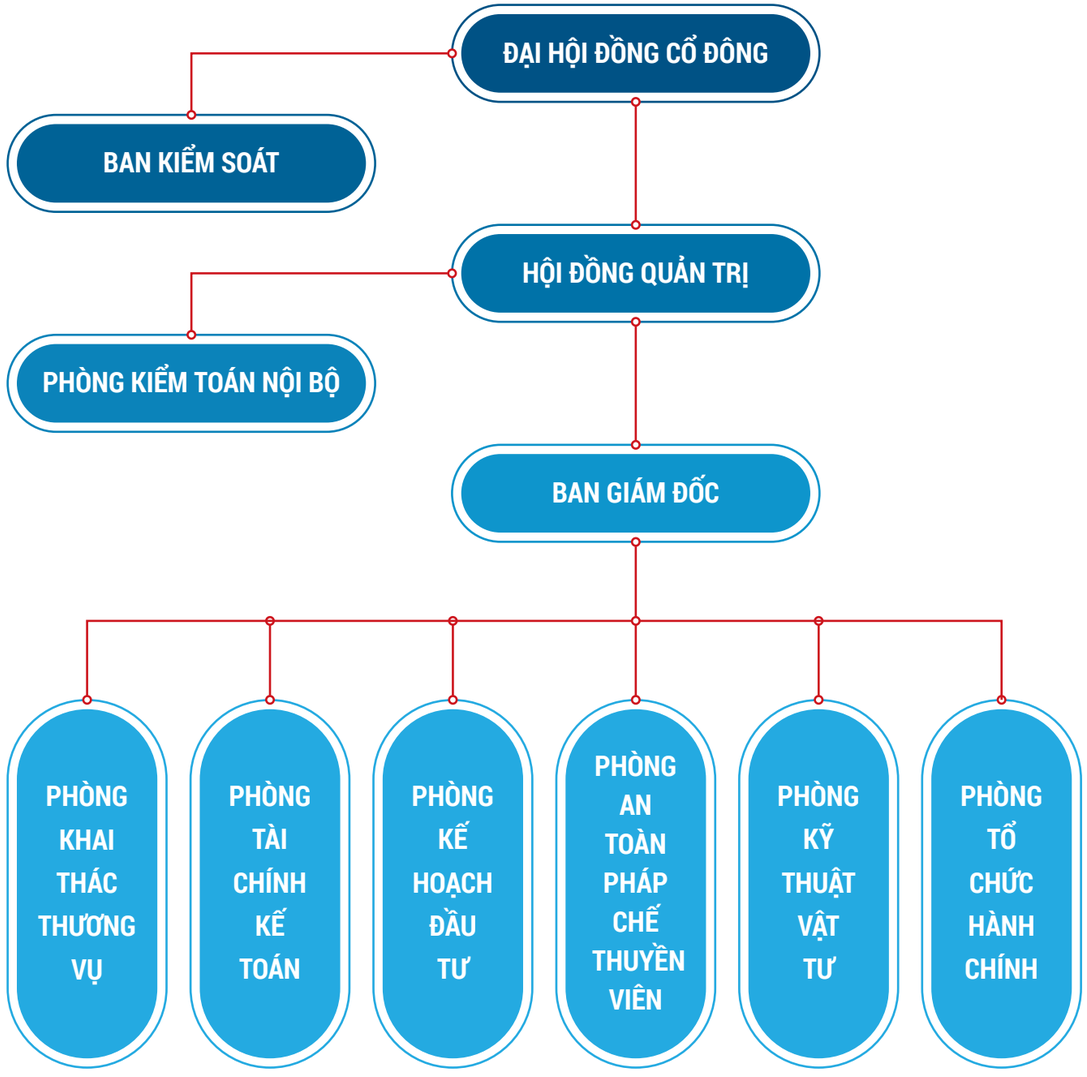
QUỐC TẾ:
Châu Á, Châu Úc, Trung Đông, Trung Mỹ, Mỹ...



4 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty quản trị theo mô hình của Công ty cổ phần.



4.2. CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty chưa có các công ty con và công ty liên kết.

5 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

5.1. CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

☑ Trở thành một công ty hàng hải sở hữu tàu biển năng động, uy tín, chất lượng và hiệu quả, với lĩnh vực cốt lõi là kinh doanh khai thác đội tàu dầu thô, dầu sản phẩm và tàu hàng lỏng cỡ lớn; với đội tàu chủ lực thuộc nhóm phân khúc tàu Aframax/LR2, MR và có thể tàu chở khí khóa lỏng VLGC/LNG hoặc tàu dầu thô VLCC tùy theo diễn biến thị trường để có năng lực cạnh tranh mạnh trên thị trường quốc tế.

☑ Lấy thị trường quốc tế bao gồm cả thị trường nhập khẩu là thị trường mục tiêu để phát triển. Đồng thời thực hiện tốt việc duy trì và giữ vững thị trường vận tải dầu thô trong nước.



5.2. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

☑ Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động bản lĩnh nghề nghiệp để phát triển công ty thành hãng vận tải dầu khí có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

☑ Giữ vững thị trường truyền thống trong nước gắn liền với vận chuyển dầu thô đầu vào cho NMLD Dung Quất, tham gia vận chuyển dầu thô bằng tàu VLCC cho Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn và các NMLD khác trong nước.



☑ Duy trì hoạt động hiệu quả cho thuê kho nổi chứa xuất dầu FSO Dai Hung Queen.

☑ Tập trung mở rộng quy mô, đa dạng hoá đội tàu phù hợp với năng lực tài chính, tình hình thị trường, xu thế chuyển đổi năng lượng để tối ưu hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo lợi ích cho cổ đông và định hướng phát triển bền vững.

☑ Chú trọng hoàn thiện hệ thống quản lý, quản trị, bao gồm cả công tác quản lý kỹ thuật/an toàn và thuyền viên nhằm tối ưu hiệu quả hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và chất lượng dịch vụ.

5.3. CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ESG - MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP)

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

☑ Công ty cam kết đảm bảo việc quản lý, vận hành đội tàu trên biển luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam và các công ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên như MARPOL, BWMC và các tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO).

☑ Pacific xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc giảm thiểu các tác động tiêu cực tới môi trường, đặc biệt là các nỗ lực nhằm giảm phát thải khí nhà kính (GHG), xử lý an toàn chất thải, bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu rác thải nhựa trên biển, cũng như tối ưu hóa sử dụng năng lượng hiệu quả trong khai thác vận tải biển.

ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

☑ Pacific nhận thức sâu sắc vai trò và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc đóng góp tích cực vào cộng đồng và xã hội. Công ty cam kết thực hiện tốt các hoạt động an sinh xã hội, tích cực tham gia các chương trình từ thiện, hỗ trợ cộng đồng, ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực địa phương, tạo điều kiện việc làm ổn định và cải thiện chất lượng cuộc sống cho người lao động.

☑ Pacific cũng đề cao trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn lao động, sức khỏe và phúc lợi của đội ngũ cán bộ, công nhân viên, tạo môi trường làm việc lành mạnh, bình đẳng và bền vững.

ĐỐI VỚI QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

☑ Công ty cam kết xây dựng và duy trì hệ thống quản trị doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả, phù hợp với thông lệ tốt nhất của ngành dầu khí và vận tải biển. Trong đó, văn hóa dầu khí là yếu tố cốt lõi, được vận dụng phù hợp với đặc điểm tổ chức và quản lý tại Pacific, hướng đến phát triển bền vững, nâng cao giá trị dài hạn cho cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.

☑ Pacific luôn đề cao trách nhiệm giải trình, công khai thông tin một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật hiện hành và các chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế.

6 CÁC RỦI RO

Các rủi ro trong kinh doanh chủ yếu đối với Công ty gồm rủi ro về thị trường, rủi ro về giá cước vận tải, giá cho thuê tàu, nhiên liệu và rủi ro về tài chính *(gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản).*

6.1. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện ở cả Việt Nam và quốc tế. Do vậy các rủi ro về thị trường không chỉ bao gồm các yếu tố vĩ mô cơ bản như: biến động kinh tế toàn cầu, biến động giá dầu, nhu cầu sử dụng dầu mỏ, các rủi ro về địa chính trị tại các khu vực, tương quan giữa cung - cầu tàu biển..., mà còn bị tác động lớn bởi sự cạnh tranh trong ngành giữa các đối thủ, đặc biệt là những đối thủ có tiềm lực tài chính mạnh, quy mô đội tàu lớn, nhiều tàu trẻ, hệ thống quản lý tàu hiện đại sẽ có lợi thế nhất định. Ngoài ra, xu hướng chuyển đổi năng lượng trong thời gian qua cũng là yếu tố làm giảm nhu cầu sử dụng dầu mỏ trong dài hạn và kéo theo giảm dần nhu cầu sử dụng đội tàu, thêm vào đó quy định về môi trường và chính sách cắt giảm carbon tại các nước, các khu vực áp dụng phí phát thải CO_2 đối với tàu biển cũng là yếu tố làm tăng chi phí vận hành và đầu tư tàu.

Bên cạnh đó, yêu cầu về quản lý kỹ thuật, quản lý an toàn, điều kiện chấp nhận của các hãng dầu khí lớn cho tàu (Oil Major Approval-OMA) ngày càng khắt khe, đòi hỏi năng lực quản lý của chủ tàu phải ngày càng cao khi hoạt động tại thị trường quốc tế, các yêu cầu này sẽ tác động trực tiếp đến hiệu suất khai thác tàu và hiệu quả kinh doanh của chủ tàu.

Trong mỗi giai đoạn, sẽ có những tác động khác nhau đối với giá cước vận tải, giá cho thuê tàu, giá nhiên liệu của thị trường trong nước và thị trường quốc tế, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty vẫn chủ động có những biện pháp để ứng phó với rủi ro thị trường như: đầu tư mở rộng quy mô, đa dạng và trẻ hoá đội tàu để tăng sức cạnh tranh; liên tục cập nhật, hoàn thiện hệ thống quản lý tàu để đáp ứng yêu cầu khắt khe của Người thuê; mở rộng mạng lưới quan hệ với các Big Oil Major và các môi giới để có được các cơ hội khai thác tàu với mức cước tốt.

6.2. RỦI RO VỀ GIÁ CƯỚC VẬN CHUYỂN, GIÁ CHO THUÊ TÀU VÀ NHIÊN LIỆU

Thị trường thuê và cho thuê tàu quốc tế luôn biến động tăng giảm nhanh chóng và khó lường. Do vậy, các hoạt động kinh doanh khai thác tàu của công ty trên thị trường quốc tế chịu rủi ro từ việc thay đổi giá cước vận tải, giá cho thuê tàu và nhiên liệu.

Đối với rủi ro về giá cước vận chuyển, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro bằng cách cho thuê tàu định hạn trên thị trường quốc tế. Đối với hoạt động vận tải trong nước, Công ty ký hợp đồng vận chuyển dài hạn với giá cước ổn định cho cả năm cùng với điều khoản giá cước được tự động điều chỉnh tương ứng khi có sự biến động của giá nhiên liệu.



6.3. RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Khi có biến động tỷ giá lớn sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty thực hiện đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá cuối kỳ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

6.4. RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Đối với các khoản vay nợ dài hạn cho các dự án đầu tư mua và đóng tàu, lãi suất vay được cố định thông qua các sản phẩm/nghiệp vụ tài chính nên rủi ro về lãi suất đối với các khoản vay đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh đã được giảm thiểu.

Đối với các khoản vốn tạm thời nhàn rỗi được gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng mang lại doanh thu tài chính cho Công ty, chính sách của Công ty là duy trì kỳ hạn hợp lý và phù hợp với kế hoạch sử dụng dòng tiền. Khi lãi suất huy động tiền gửi giảm, doanh thu tài chính của Công ty sẽ giảm.



6.5. RỦI RO VỀ TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

6.6. RỦI RO VỀ THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024



1 BỐI CẢNH CHUNG

Năm 2024, thị trường vận tải biển tiếp tục chịu tác động lớn từ diễn biến địa chính trị và kinh tế toàn cầu, đặc biệt là lĩnh vực dầu khí. Xung đột Nga - Ukraine, căng thẳng Israel - Iran và các vụ tấn công tàu biển của phiến quân Houthi tại Biển Đỏ đã gây bất ổn an ninh nguồn cung dầu, khiến giá dầu biến động mạnh, với dầu Brent đạt đỉnh 91,17 USD/thùng và dầu WTI lên mức 86,91 USD/thùng vào đầu quý 2.

Các yếu tố này làm tăng mạnh nhu cầu vận tải biển, giá cước vận chuyển và hoạt động mua bán tàu dầu (S&P) sôi động trong nửa đầu năm. Tuy nhiên, thị trường chịu áp lực điều chỉnh trong nửa cuối năm do OPEC+ duy trì cắt giảm sản lượng (giảm 2,2 triệu thùng/ngày từ tháng 6/2024) và suy giảm nhu cầu dầu tại Trung Quốc, Ấn Độ cùng với những bất ổn trước thềm bầu cử Mỹ, gây áp lực lên giá dầu và hoạt động vận tải quốc tế.

Dù vậy, nhìn chung năm 2024 vẫn tích cực với ngành vận tải dầu, thu nhập bình quân tàu chở dầu tăng 26% so với trung bình 10 năm qua. Các tuyến vận chuyển thay đổi, như đi vòng qua Mũi Hảo Vọng để tránh Biển Đỏ, và các tuyến mới phát sinh do căng thẳng Nga - châu Âu đã hỗ trợ thị trường. Tăng trưởng đội tàu thấp giúp cân bằng cung-cầu thuận lợi.

Trước bối cảnh trên, Ban lãnh đạo và người lao động Công ty PVTrans Pacific chủ động triển khai các giải pháp linh hoạt để tận dụng điều kiện thuận lợi của thị trường, tập trung tối ưu khai thác đội tàu, tiết giảm chi phí, sử dụng hiệu quả nguồn lực, qua đó hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông giao phó.



2 KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Đvt: tỷ đồng

NỘI DUNG	THỰC HIỆN 2023	KẾ HOẠCH 2024	THỰC HIỆN 2024	TỶ LỆ TH 2024/KH 2024 (%)	TỶ LỆ TH 2024/TH 2023 (%)
Tổng doanh thu	1.731,40	1.700,00	1.852,60	109%	107%
Lợi nhuận trước thuế	235,26	220,00	268,24	122%	114%
Lợi nhuận sau thuế	188,08	176,00	207,10	118%	110%
Nộp ngân sách nhà nước	100,26	56,40	89,13	158%	89%

Năm 2024, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024 với chỉ tiêu doanh thu hoàn thành 109% kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế đạt 122% kế hoạch lợi nhuận được giao. Nộp NSNN năm 2024 đạt 89,13 tỷ đồng, tương đương 158% kế hoạch. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được như trên là do tàu khai thác quốc tế có Hợp đồng thuê dài hạn mang lại doanh thu ổn định, việc sử dụng ngân sách tàu tiết kiệm, hiệu quả và chi phí thực hiện sửa chữa định kỳ tàu Apollo thấp hơn so với ngân sách đã được phê duyệt.

3 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

3.1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch HĐQT: **Ông LÊ MẠNH TUẤN**

☑ **Năm sinh:** 1968

☑ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Kinh tế Hóa chất, Cử nhân Tài chính Kế toán

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Chủ tịch HĐQT không điều hành

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans), Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 25.839.020 cổ phần, chiếm tỷ lệ 24,92%, trong đó sở hữu cá nhân là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Thành viên HĐQT: **Ông HOÀNG ĐỨC CHÍNH**

☑ **Năm sinh:** 1971

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản lý khai thác tàu và cảng biển, Kỹ sư kinh tế vận tải biển

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** TV HĐQT Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 20.740.490 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20%, trong đó sở hữu cá nhân là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Thành viên HĐQT: **Ông NGUYỄN THẾ DÂN**

☑ **Năm sinh:** 1966

☑ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toán

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Thành viên HĐQT không điều hành

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Vận tải Sản phẩm Khí quốc tế, Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Vận tải Nhật Việt

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 10.370.245 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10%, trong đó sở hữu cá nhân là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Thành viên HĐQT: **Ông TRẦN VĂN LUẤN**

☑ **Năm sinh:** 1977

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Quản trị nhân lực

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Thành viên HĐQT không điều hành

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Dầu khí Hà Nội

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 10.370.245 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10%, trong đó sở hữu cá nhân là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Thành viên HĐQT: **Bà TRẦN THỊ KIM KHÁNH**

☑ **Năm sinh:** 1975

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Thành viên độc lập HĐQT

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Thành viên độc lập HĐQT kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán các Công ty: Công ty CP Dược phẩm Trung ương, Công ty CP Cơ khí Thương mại Đại Dũng

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

3.2. BAN ĐIỀU HÀNH



Giám đốc: **Ông HOÀNG ĐỨC CHÍNH**

☑ **Năm sinh:** 1971

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ quản lý khai thác tàu và cảng biển, Kỹ sư kinh tế vận tải biển

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** TV HĐQT kiêm Giám đốc

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** UV HĐQT Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 20.740.490 cổ phần, chiếm tỷ lệ 20%, trong đó sở hữu cá nhân là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Phó Giám đốc: **Ông VŨ NGỌC KHÔI**

☑ **Năm sinh:** 1966

☑ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Hàng hải

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Phó Giám đốc

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Phó Giám đốc: **Ông NGÔ MẠNH HÀ**

☑ **Năm sinh:** 1976

☑ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Phó Giám đốc

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Phó Giám đốc: **Ông BÙI VĂN VINH**

☑ **Năm sinh:** 1981

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Tài chính, Cử nhân quản trị Kinh doanh

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Phó Giám đốc

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Kế toán trưởng: **Ông PHAN PHONG PHÚC**

☑ **Năm sinh:** 1976

☑ **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Quản trị Kinh doanh

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Kế toán trưởng

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

3.3. BAN KIỂM SOÁT



Trưởng Ban kiểm soát: **Bà HUỲNH THỊ HỒNG HẠNH**

☑ **Năm sinh:** 1988

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Chính sách công, Cử nhân Tài chính Ngân hàng

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Trưởng Ban kiểm soát

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Thành viên HĐQT Công ty CP Vận tải Xăng dầu Phương Nam

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Kiểm soát viên: **Ông HÀ HỮU ANH**

☑ **Năm sinh:** 1976

☑ **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Kiểm soát viên

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Không

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.



Kiểm soát viên: **Ông ĐỖ NHƯ TIẾN**

☑ **Năm sinh:** 1990

☑ **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kinh tế

☑ **Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty:** Kiểm soát viên

☑ **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Kiểm soát viên các Công ty: Công ty CP Vận tải Dầu khí Đông Dương, Công ty CP Vận tải Xăng dầu Phương Nam

☑ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:** Số cổ phần nắm giữ là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

3.4. BÁO CÁO VỀ LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2024 là 114 người. Trong đó, trình độ đại học và trên đại học chiếm 59,6%, trình độ cao đẳng, trung cấp và công nhân kỹ thuật chiếm 40,4%.

Chính sách đối với người lao động: Công ty xây dựng môi trường làm việc ổn định, luôn khuyến khích sự sáng tạo, nâng cao hiệu quả công việc. Để thực hiện chiến lược này, Công ty đã không ngừng cải tiến chính sách lương, thưởng, chế độ phúc lợi, tuyển dụng và đào tạo có tính cạnh tranh cao, thu hút được lao động có chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc.

Chế độ làm việc: Chế độ làm việc của Công ty luôn đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Bộ luật lao động và thực hiện các chế độ đãi ngộ phù hợp cho người lao động theo các quy định của pháp luật về sử dụng lao động và theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Các chế độ về nghỉ phép, nghỉ lễ, tết, nghỉ ốm, thai sản của người lao động luôn được Công ty bố trí, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Chính sách lương, thưởng: Tiền lương, tiền thưởng trả cho người lao động được xác định trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện về vị trí chức danh công việc, năng lực công tác và chủ yếu là dựa vào năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc từng vị trí của cán bộ nhân viên. Hệ thống này cũng đảm bảo tuân thủ đúng quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước. Ngoài tiền lương, người lao động còn được hưởng chế độ tiền thưởng theo thành tích công việc, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty và thưởng vào các ngày lễ, tết nhằm tạo điều kiện cải thiện đời sống vật chất, động viên khích lệ tinh thần làm việc hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao. Các chính sách về lương, thưởng cho người lao động luôn được công khai, minh bạch đến toàn thể người lao động khi thực hiện.

Phúc lợi: Ngoài việc thực hiện chi trả lương, thưởng cho người lao động phù hợp với năng lực và đúng hạn, việc quan tâm đến các quyền lợi khác cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc. Đơn vị luôn nộp đúng, đủ và kịp thời các khoản phí BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan BHXH và giải quyết các chế độ cho người lao động theo Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể và các quy định hiện hành. Tại Công ty, có tổ chức công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động; tổ chức các hoạt động đoàn thể cho người lao động trong các dịp lễ lớn; tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động an sinh xã hội, các hoạt động đoàn thể nâng cao đời sống tinh thần và tạo đoàn kết trong tổ chức.



4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2024, theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty sẽ triển khai 03 dự án đầu tư mua tàu gồm: dự án đầu tư chuyển tiếp 02 tàu MR và dự án đầu tư mới 01 tàu Aframax / hoặc 02 tàu MR.

Tuy nhiên, đối với phân khúc tàu Aframax, ngay từ đầu năm 2024, giá tàu đã tăng vọt 8% và sau đó neo ở mức cao hơn khoảng 15,8% so với cuối năm 2023, tốc độ tăng giá tàu cao hơn so với tốc độ tăng của giá cước gây ra nhiều khó khăn trong việc ra thị trường tìm kiếm tàu đáp ứng TMĐT và hiệu quả dự án; diễn biến của thị trường S&P phân phúc MR trong năm 2024 phần lớn có lợi cho người bán và số lượng tàu chào bán trên thị trường không nhiều. Trong bối cảnh khó khăn như vậy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã quyết liệt bám sát thị trường và triển khai đầu tư thành công 01 tàu MR trong quý 3/2024 đồng thời đưa tàu vào khai thác trong Pool Hafnia, hoạt động khu vực Âu – Mỹ. Các dự án chưa thực hiện trong năm 2024 dự kiến sẽ được chuyển tiếp và điều chỉnh/bổ sung triển khai thực hiện trong năm 2025.

5 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

5.1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	% TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.714,14	3.186,33	17,4%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.661,18	1.794,47	8%
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	244,70	337,89	38,1%
Lợi nhuận khác	-0,16	-0,44	175,1%
Lợi nhuận trước thuế	235,26	268,24	14%
Lợi nhuận sau thuế	188,08	207,10	10,1%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	**18,81**	**20,71**	**10,1%**

- Các chỉ tiêu khác

☑ Lãi cơ bản trên cổ phiếu: 1.877 đồng (2024)/1.875 đồng (2023)

☑ Vốn chủ sở hữu: 1.852 tỷ đồng (2024)/1.732 tỷ đồng (2023) tăng 7% so với 2023.

5.2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2023	NĂM 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn *(TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)*	Lần	2,71	2,27
Hệ số thanh toán nhanh *(TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn*	Lần	2,68	2,24
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,36	0,42
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,57	0,72
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	Lần	164,50	98,12
Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,63	0,61
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	11,32	11,54
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,86	11,18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,93	6,50
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	14,17	14,97

6 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

6.1. CỔ PHẦN

☑ Tổng số cổ phần đang lưu hành: **103.702.452** CP
(Một trăm lẻ ba triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, bốn trăm năm mươi hai cổ phần).

☑ Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

6.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

(Trích nguồn từ Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt ngày 31/12/2024 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tổng hợp)

STT	CỔ ĐÔNG GÓP VỐN	% VỐN ĐIỀU LỆ	TỔNG VỐN (NGHÌN ĐỒNG)	GHI CHÚ
A	**Vốn điều lệ**	**100,00%**	**1.037.024.520**	
B	**Cổ đông đã góp vốn**	**100,00%**	**1.037.024.520**	
I	**Cổ đông trong nước**	**96,37%**	**999.360.270**	3.680 cổ đông
1	**Cổ đông lớn sở hữu từ 5% cp trở lên**	**71,62%**	**742.692.500**	02 cổ đông
1.1	Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	64,92%	673.200.000	
1.2	Lê Ngọc Anh	6,7%	69.492.500	
2	**Cổ đông phổ thông khác**	**24,75%**	**256.667.770**	3.678 cổ đông
II	**Cổ đông nước ngoài**	**3,63%**	**37.664.250**	24 cổ đông
1	Tổ chức	3,54%	36.720.000	8 cổ đông
2	Cá nhân	0,09%	944.250	16 cổ đông

6.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2024, Công ty đã triển khai tăng vốn cổ phần bằng hình thức chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông và đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua. Vốn điều lệ của Công ty tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 là 1.037.024.520.000 đồng.

6.4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

☑ Hiện tại Công ty không có cổ phiếu quỹ.
☑ Trong năm 2024, Công ty không có các giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ.

6.5. CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

☑ Năm 2024, Công ty không phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.
☑ Hiện tại ngoài chứng khoán của Công ty, Công ty không lưu hành bất kỳ loại chứng khoán nào khác.

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



1 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Trong năm 2024, với các yếu tố thuận lợi và khó khăn của thị trường, đặc biệt với sự nỗ lực, quyết tâm, đoàn kết, nhất trí cao trong toàn thể Ban Lãnh đạo và CBNV trong Công ty, PVTrans Pacific đã hoàn thành tốt nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, cụ thể:

☑ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2024, với doanh thu đạt 109% kế hoạch năm. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 122% kế hoạch được giao và lợi nhuận sau thuế đạt 118% kế hoạch được giao. Nộp ngân sách Nhà nước đạt 158% so với kế hoạch.

☑ Hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 942 tỷ lên 1.037 tỷ, tuân thủ các quy định của Pháp luật, cơ quan hữu quan, đảm bảo sẵn sàng nguồn vốn cho các dự án đầu tư của Công ty.

☑ Hoàn thành đầu tư dự án đầu tư tàu MR số 2 – tàu Pacific Pride (trọng tải 50.697 DWT) với tổng giá trị thực hiện là 27,6 triệu USD và đưa vào khai thác quốc tế ngay sau khi đầu tư.

☑ 100% các tàu do Công ty quản lý, khai thác và hoặc sở hữu hoạt động an toàn, liên tục, không có sự cố kỹ thuật dừng tàu, không có ngày dừng tàu thương mại.

☑ Hoàn thành nhiệm vụ giữ vững 100% thị phần vận chuyển dầu thô trong nước, Công ty đã quản lý, khai thác vận chuyển an toàn, kịp thời toàn bộ nguyên liệu dầu thô nội địa cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, đáp ứng yêu cầu, kế hoạch của khách hàng BSR và các chủ mỏ, các tàu được khai thác với TCE hoàn thành vượt kế hoạch giao.

☑ Tự chủ trong công tác quản lý kỹ thuật tàu, chủ động trong việc sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp vật tư, phụ tùng kịp thời cho đội tàu. Trong đó, hoàn thành sửa chữa định kỳ tàu Apollo với chi phí thực hiện thấp hơn ngân sách đã được phê duyệt. Các tàu đều đảm bảo hoạt động khai thác tàu liên tục, không ảnh hưởng kế hoạch thuê/cho thuê tàu.

☑ Tự chủ trong công tác quản lý An toàn, pháp chế - thuyền viên, với đầy đủ hệ thống quy trình về quản lý, khai thác tàu, đáp ứng yêu cầu của các Oil Major. Trong đó, hệ thống quản lý TMSA mức 2.0 được Oil Major ENOC đánh giá và công nhận vào tháng 10/2024; Triển khai hệ thống quản lý an toàn hiệu quả thông qua việc duy trì DOC với đăng kiểm và hiệu lực SIRE cho đội tàu; Thành công trong việc đưa tàu MR mới đầu tư tháng 10/2024 vào khai thác tại thị trường Mỹ - đây là nơi có yêu cầu khắt khe nhất trên thị trường vận tải quốc tế; Đối với công tác quản lý thuyền viên: thực hiện tốt công tác tuyển dụng thuyền viên đảm bảo định biên cho đội tàu, xây dựng chính sách lương và chế độ phúc lợi đầy đủ cho thuyền viên.

☑ Triển khai chiến lược chuyển đổi số tại đơn vị nhằm thay đổi công tác quản lý, quản trị tại đơn vị theo hướng cơ sở dữ liệu tập trung và đồng bộ trong toàn hệ thống, ứng dụng văn phòng điện tử và quản lý văn thư (Idoc)/quản lý tài chính kế toán (Fast Business online), quản trị doanh nghiệp ERP và phần mềm quản lý đội tàu để nâng cao hiệu quả kinh doanh và quản lý, giảm thiểu các báo cáo thủ tục hành chính.

☑ Xây dựng được bộ máy tổ chức quản lý gọn nhẹ, nội bộ đoàn kết. Nâng cao trách nhiệm của lãnh đạo và người lao động, gắn liền quyền lợi được hưởng với kết quả thực hiện.

☑ Năm 2024, cổ phiếu của PACIFIC lọt vào rổ chỉ số MSCI Frontier Market Small Cap Index tháng 11/2024, năm thứ 7 liên tiếp nằm trong Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam và lần thứ 6 đạt Top 10 công ty uy tín ngành logistics, vận tải hàng hóa.



2 KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

2.1. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Theo các dự báo năm 2025, nhu cầu tàu chở dầu thô vẫn theo chiều hướng tích cực, với khối lượng vận chuyển bằng đường biển tăng khoảng 2,1% nếu các đợt cắt giảm của OPEC+ được gỡ bỏ đến hết năm 2025. Tuy nhiên, có nhiều kịch bản cần được xem xét, rõ ràng nhất là nhu cầu dầu của Trung Quốc đang trong xu hướng giảm (nơi đóng góp tới 40% mức tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu). Bù lại, mức tăng trưởng vững chắc trong hoạt động thương mại Đại Tây Dương-Châu Á, với tổng khối lượng từ Mỹ, Brazil và Guyana tăng 78% vào năm 2025 so với năm 2019, cùng với những hạn chế về nguồn cung đội tàu dự kiến sẽ là yếu tố hỗ trợ cơ bản cho thị trường vận tải dầu thô.

Nhìn chung, nhu cầu tàu chở dầu thô hiện được dự báo sẽ tăng 2,4% vào năm 2025, trong khi tăng trưởng đội tàu thương mại dự kiến sẽ bị giới hạn ở mức 1,2%; điều đó cho thấy triển vọng và tiềm năng tăng trưởng thị trường tàu chở dầu thô trong năm 2025.

Đối với tàu dầu sản phẩm, sau một thời gian dài thu nhập ngày tàu giữ ổn định ở mức cao, điều kiện thị trường vào cuối năm 2024 đã có xu hướng giảm do áp lực từ xu hướng giảm nhu cầu dầu toàn cầu và tình trạng ngừng hoạt động của các nhà máy lọc dầu ở Nga. Yếu tố hỗ trợ cơ bản cho thị trường trong thời gian tới vẫn là việc định lại tuyến Biển Đỏ trong bối cảnh xung đột tại khu vực này, sẽ cung cấp mức tăng khoảng 5% cho hoạt động thương mại tấn/hải lý.

Theo đánh giá của các nhà phân tích, triển vọng năm 2025 của thị trường tàu chở dầu sản phẩm sẽ trầm lắng hơn so với mức tăng trưởng ổn định bền bỉ trong những năm gần đây, dự kiến tăng trưởng năng lực đội tàu khoảng 5,6% trong khi nhu cầu về trọng tải DWT tàu chở dầu sản phẩm dự kiến sẽ tăng 2,9% nếu kịch bản tình trạng gián đoạn Biển Đỏ vẫn tiếp diễn.

Đối với thị trường vận tải dầu thô trong nước, năm 2025 NMLD Dung Quất dự kiến hoạt động ở mức 105-108% công suất thiết kế (công suất mục tiêu là 112-116%) với số chuyến vận chuyển ổn định.

2.2. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

☑ Quản lý khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu Công ty trên thị trường quốc tế và kết hợp khai thác vận chuyển dầu thô trong nước cho NMLD Dung Quất (nếu phù hợp lịch trình tàu) trên cơ sở tối ưu hiệu quả chung của Tổng công ty/Công ty Pacific và lợi ích của các cổ đông.

☑ Phối hợp cùng Tổng Công ty/công ty OFS trong việc đàm phán hợp đồng với khách hàng PVEP giai đoạn 2025-2036 và trong hoạt động quản lý, khai thác an toàn tàu chứa xuất dầu thô (FSO) PVN Đại Hùng Queen phục vụ cho mỏ Đại Hùng.

☑ Gia hạn và thực hiện tốt Hợp đồng uỷ thác quản lý đội tàu dầu thô của Tổng công ty PVTrans. Bám sát kế hoạch của khách hàng BSR và phối hợp với các Ban Tổng Công ty để tổ chức vận chuyển an toàn, kịp thời toàn bộ các lô dầu thô từ các mỏ trong nước cho NMLD Dung Quất.

☑ Bám sát thị trường vận tải, thị trường mua bán tàu (SnP), chủ động cập nhật và triển khai kế hoạch đầu tư các tàu dầu thô/dầu sản phẩm/VLGC như kế hoạch đề ra.

☑ Tiếp tục làm việc với các bên liên quan, các đối tác/chủ tàu VLCC có năng lực để tham gia cung cấp dịch vụ vận chuyển dầu thô bằng tàu VLCC cho Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn khi có cơ hội.

☑ Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả; Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đội ngũ kế cận, tiềm năng; Công tác phát triển đội ngũ thông qua công tác đào tạo và phát triển kỹ năng.

☑ Hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế đáp ứng yêu cầu quản trị và định hướng ESG; cập nhật nâng cấp hệ thống quản lý tàu theo tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

☑ Xây dựng và chuẩn hóa môi trường làm việc theo hướng chuyên nghiệp trong toàn Công ty. Tiếp tục triển khai xây dựng văn hoá doanh nghiệp Công ty.

☑ Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động trong Công ty. Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội.

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024 được đánh giá là một năm thuận lợi cho thị trường vận tải biển nói chung và vận tải dầu nói riêng. Là doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm ở phân khúc tàu dầu thô và dầu sản phẩm, PVTrans Pacific đã phát huy được ưu thế về nguồn lực, đội ngũ nhân sự và năng lực quản lý điều hành linh hoạt để tận dụng tốt các điều kiện tích cực của thị trường, Công ty đã khai thác hiệu quả các tài sản hiện có, kiểm soát và tiết giảm chi phí hoạt động qua đó hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao.

Tuy nhiên, năm 2024 cũng ghi nhận khó khăn trong lĩnh vực đầu tư mở rộng đội tàu, do thị trường mua bán tàu biển (S&P) thiên về người bán, mức giá tàu cao, số lượng tàu giao dịch hạn chế. Mặc dù vậy, bằng sự quyết tâm cao và hành động quyết liệt của HĐQT, cùng tập thể lãnh đạo và người lao động, PVTrans Pacific đã thành công đầu tư và đưa vào khai thác quốc tế 01 tàu MR trong quý 3 năm 2024, trở thành điểm nhấn tích cực trong năm qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã kiện toàn công tác tổ chức, bổ nhiệm các vị trí nhân sự quản lý để ổn định tổ chức và nâng cao năng lực vận hành, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu và định hướng phát triển trong thời gian tới.

Trong lĩnh vực trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường, PVTrans Pacific luôn tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam cũng như các quy định và công ước quốc tế có liên quan. Công ty chú trọng đảm bảo quyền lợi, môi trường làm việc công bằng và minh bạch cho người lao động; tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội, đặc biệt là quan tâm đến các dự án giáo dục và hỗ trợ cộng đồng yếu thế, góp phần mang lại giá trị bền vững cho xã hội.



2 ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

2.1. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2024, Ban Giám đốc đã chỉ đạo, điều hành linh hoạt, sát với tình hình thực tế và chủ động đề ra các giải pháp cụ thể nhằm tối ưu hoá nguồn lực, khắc phục khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban giám đốc đặc biệt chú trọng công tác quản lý chi phí nhiên liệu, dầu nhờn và sửa chữa tàu, qua đó tiết kiệm đáng kể chi phí, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ.



2.2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực, quyết liệt và tinh thần trách nhiệm của Ban Giám đốc trong công tác tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từ đầu năm. Ban Giám đốc Công ty đã bám sát các mục tiêu được giao, điều hành hoạt động đạt hiệu quả cao, bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Điểm nổi bật là thành công đầu tư và đưa vào khai thác tàu MR, củng cố năng lực cạnh tranh và uy tín thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng đã thực hiện tốt các nhiệm vụ khác như kiện toàn tổ chức, tự chủ quản lý kỹ thuật và an toàn tàu biển theo tiêu chuẩn quốc tế, đẩy mạng ứng dụng công nghệ 4.0 và chuyển đổi số, nâng cao uy tín dịch vụ quản lý tàu trên cả thị trường trong nước và ngoài nước. Các hoạt động đoàn thể, an sinh xã hội cũng được triển khai tích cực, hiệu quả.



3 CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT có định hướng hoạt động và đề ra nhiệm vụ mục tiêu năm 2025 trên cơ sở đánh giá nhận định về thị trường thuê, cho thuê tàu vận tải dầu thô và tàu chở dầu hóa chất, thị trường mua bán tàu có những khó khăn và thuận lợi chủ yếu như sau:

VỀ KHÓ KHĂN

☑ Năm 2025 được nhiều chuyên gia nhận định, đánh giá, dự báo tiếp tục theo chiều hướng tích cực, tuy nhiên ngoài tác động trực tiếp từ thị trường đóng mới và thị trường mua bán tàu biển luôn thay đổi không ngừng, thì những ảnh hưởng từ các yếu tố địa chính trị, căng thẳng an ninh khu vực biển đỏ, các chính sách của OPEC+, xung đột thương mại và các chính sách cấm vận vẫn luôn là những biến số khó lường.

☑ Ngoài ra, các qui định nghiêm ngặt hơn về môi trường, khí thải ngày càng tăng; quá trình chuyển đổi năng lượng xanh/năng lượng tái tạo thay thế năng lượng hóa thạch; xu hướng gia tăng sử dụng năng lượng sạch đang dần phổ biến tại các nước sẽ là những nhân tố ảnh hưởng đến thị trường tàu dầu trong thời gian tới.

VỀ THUẬN LỢI

☑ Công ty được sự quan tâm của Lãnh đạo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PV Trans) và sự hợp tác chặt chẽ, hỗ trợ từ các đơn vị trong ngành.

☑ Việc tham gia vận chuyển cho các khách hàng lớn, các Oil Major uy tín trên thế giới trong thời gian qua đã nâng cao vị thế PVTrans Pacific trên thị trường vận tải quốc tế, làm gia tăng cơ hội duy trì và dễ dàng tiếp cận tham gia vận chuyển cho các khách hàng.

☑ Điều kiện tài chính và các chỉ số phản ánh tình hình tài chính của công ty ngày càng cải thiện tích cực. Bộ máy quản lý và quản lý tàu đang nhanh chóng hoàn thiện đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường và khách hàng, đặc biệt là những thị trường có yêu cầu khắt khe như Châu Âu, Mỹ mà Công ty đã được chấp nhận trong năm 2024 là một lợi thế.

Với tình hình trên, trong năm 2025 HĐQT sẽ tập trung vào các vấn đề sau:

☑ **Về hoạt động sản xuất kinh doanh:** Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông giao. Tăng cường việc phát triển dịch vụ và mở rộng thị trường bao gồm việc cung cấp tàu VLCC cho NMLD Nghi Sơn. Thường xuyên giám sát và chỉ đạo các giải pháp cần thiết nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

☑ **Về công tác đầu tư:** Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, đảm bảo tiến độ và hiệu quả đầu tư.

☑ **Về công tác quản trị tài chính và rủi ro:** Chỉ đạo, giám sát công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo việc quản lý và sử dụng vốn an toàn, hiệu quả.

☑ **Về công tác quản lý, quản trị:** Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống Quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, công tác kiểm tra giám sát, kiểm toán nội bộ. Xây dựng và phê duyệt khung, chiến lược phát triển bền vững (ESG) và triển khai thực hành ESG. Tiếp tục duy trì văn hóa Công ty tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

☑ **Về công tác phát triển nguồn nhân lực:** Tăng cường các giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo đáp ứng các yêu cầu phát triển của Công ty.

☑ **Về công tác chuyển đổi số:** Tiếp tục giám sát và chỉ đạo đẩy mạnh công tác chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ 4.0; Xây dựng và áp dụng hệ thống ERP trong quản trị doanh nghiệp.

PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY



1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	TV ĐIỀU HÀNH	CỔ PHẦN SỞ HỮU (ĐẾN NGÀY 31/12/2024)	TỶ LỆ SỞ HỮU	CHỨC VỤ
1	Lê Mạnh Tuấn		25.839.020	24,92%	Chủ tịch HĐQT
2	Hoàng Đức Chính	X	20.740.490	20,00%	TV HĐQT/GĐ
3	Nguyễn Thế Dân		10.370.245	10,00%	TV HĐQT
4	Trần Văn Luấn		10.370.245	10,00%	TV HĐQT
5	Trần Thị Kim Khánh		0	0,00%	TV HĐQT độc lập

1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: chưa áp dụng

1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

☑ HĐQT hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp; Rà soát, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và tổ chức phân công nhiệm vụ phù hợp với thế mạnh, năng lực chuyên môn và kinh nghiệm công tác của từng thành viên HĐQT.

☑ Trong năm 2024, lãnh đạo Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 trong bối cảnh thị trường vận tải dầu khí có nhiều biến động.

☑ Trong năm, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp tập trung, ban hành 27 Nghị quyết và 16 Quyết định để quản lý/chỉ đạo các hoạt động của Công ty trên mọi lĩnh vực; Tổ chức giám sát và đánh giá kịp thời kết quả thực hiện nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT;

☑ HĐQT luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, làm việc trên nguyên tắc tập trung dân chủ, xử lý nhanh chóng và kịp thời các vấn đề, đề xuất kiến nghị của Ban Giám đốc; ban hành các Nghị quyết, Quyết định phù hợp thẩm quyền. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tuân thủ theo nguyên tắc đa số, dựa trên kết quả biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản; Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

☑ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, hoàn thành việc tăng vốn điều lệ Công ty từ 942,75 tỷ đồng lên 1.037 tỷ đồng và thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty đại chúng.



1.4. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Trong năm 2024, thành viên HĐQT độc lập đã tích cực và chủ động thực hiện vai trò thành viên HĐQT độc lập, tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT. Tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công công việc của HĐQT.

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã hoạt động theo Điều lệ, quy chế của Công ty. HĐQT đã tích cực, chủ động thực hiện vai trò xây dựng chiến lược, chỉ đạo Ban điều hành triển khai hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu nhiệm vụ và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Bên cạnh việc thực hiện chiến lược phát triển, HĐQT cũng đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư, quản lý vốn, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong quản trị tài chính, đồng thời tối ưu hóa nguồn lực nhằm bảo toàn và gia tăng giá trị cho cổ đông.

1.5. DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2024

Tháng 5/2024: 01 thành viên HĐQT tham gia chương trình đào tạo Chứng nhận Thành viên HĐQT DCP26 do Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức.



2 BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	TV ĐIỀU HÀNH	TV ĐỘC LẬP	CỔ PHẦN SỞ HỮU (ĐẾN NGÀY 31/12/2024)	TỶ LỆ SỞ HỮU	CHỨC VỤ
1	Huỳnh Thị Hồng Hạnh		X	0	0	Trưởng ban
2	Hà Hữu Anh		X	0	0	Kiểm soát viên
3	Đỗ Như Tiến		X	0	0	Kiểm soát viên

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Trong năm 2024, hoạt động của Ban Kiểm soát được thực hiện đúng theo Điều lệ Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Đại diện Ban kiểm soát đã họp và tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, tập trung chủ yếu các vấn đề sau:

☑ Việc chấp hành Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT và các quy định của Công ty.

☑ Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024: tình hình sử dụng và bảo toàn vốn, việc thực hiện biện pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí; công tác triển khai các dự án đầu tư, thẩm định các Báo cáo tài chính.

☑ Thực hiện các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

☑ Thường xuyên rà soát, đánh giá các nội dung và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát để triển khai các công việc đạt hiệu quả cao nhất.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT và Ban Giám đốc:

☑ Đối với Hội đồng quản trị: Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp để đưa ra những quyết định, chỉ đạo kịp thời trong việc thực hiện các nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp với các quy định của pháp luật và của Công ty. Các Thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

☑ Đối với Ban Giám đốc: Ban điều hành đã nỗ lực và điều hành hoạt động của Công ty linh hoạt, tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty. Tập trung nâng cao công tác quản trị, điều hành, tối ưu hóa trong sản xuất kinh doanh, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí trong mọi lĩnh vực và đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024. Giám đốc đã chỉ đạo các phòng chuyên môn nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông.

3 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế quản trị của Công ty đã được HĐQT phê duyệt và ban hành đúng theo quy định của pháp luật.

3.1. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỨC DANH	SỐ NGƯỜI	LƯƠNG, THƯỞNG, PHỤ CẤP	GHI CHÚ
1	TV HĐQT chuyên trách (gồm TV HĐQT kiêm Giám đốc)	01	1.211	
2	Ban điều hành	03	2.349	

THÙ LAO CỦA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT KHÔNG CHUYÊN TRÁCH:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỨC DANH	SỐ NGƯỜI	THÙ LAO	GHI CHÚ
1	Thành viên HĐQT	04	371,95	
2	Ban kiểm soát	03	108	

3.2. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Năm 2024, cổ đông nội bộ Công ty phát sinh giao dịch cổ phiếu, cụ thể như sau:

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	CHỨC VỤ HIỆN NAY TẠI CÔNG TY	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KỲ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỞNG...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ha Hữu Anh	Kiểm soát viên	0	0%	5.000	0,0053%	Mua

3.3. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN	MỐI QUAN HỆ LIÊN QUAN VỚI CÔNG TY	SỐ ĐKKD/ CMND/ CCCD NGÀY CẤP NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH/ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH VỚI CÔNG TY	SỐ NQ/QĐ CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT THÔNG QUA	GIÁ TRỊ GIAO DỊCH (VNĐ)
1	Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí	Cổ đông lớn	0302743192 07/5/2007 Sở Kế hoạch & Đầu tư Tp.HCM	Tầng 2, tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, P.Đakao, Q.1, Tp.HCM	Năm 2024	02/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 21/11/2024	724.600.000.000

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN VI

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2024 đánh dấu bước khởi đầu trong hành trình phát triển bền vững của Công ty PVTrans Pacific. Nhận thức rõ tác động của ngành vận tải dầu khí đối với môi trường và xã hội, Công ty chúng tôi cam kết tích hợp các nguyên tắc Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) vào chiến lược hoạt động của Công ty.



1 HIỆN TRẠNG VÀ MỤC TIÊU ESG

1.1. HIỆN TRẠNG ESG CỦA CÔNG TY

☑ Hiện tại, đã có rất nhiều các văn bản, chính sách được ban hành về công tác phát triển bền vững. Nhằm đạt được một hệ thống bài bản, Công ty đang nghiên cứu thêm các mô hình cũng như phương thức áp dụng sao cho phù hợp với quy mô và văn hóa của Công ty.

☑ Công tác đo lường phát thải khí nhà kính đang ở giai đoạn sơ khởi. Công ty cần phải thiết lập quy trình hướng dẫn cũng như xây dựng khung báo cáo theo chuẩn ISO-14064.

☑ Trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty, hiện vẫn chưa có hệ thống quản lý theo hướng phát triển bền vững trong toàn bộ quy trình hoạt động.

1.2. MỤC TIÊU ESG GIAI ĐOẠN ĐẦU

☑ Xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu về hiệu quả môi trường.

☑ Đánh giá hiện trạng và xác định các rủi ro ESG đối với hoạt động của Công ty.

☑ Thiết lập nhóm/phòng ban chịu trách nhiệm về ESG.



2 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ESG

2.1. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ VÀ NÂNG CAO SỰ TUÂN THỦ

☑ Hệ thống quản lý an toàn và lao động (SLMS) của công ty đã được xây dựng dựa theo các điều khoản của bộ luật quản lý an toàn quốc tế (ISM Code), tích hợp công ước về lao động hàng hải (MLC) 2006 và các quy định liên quan trong ngành. Để tăng cường tính hiệu quả của công tác quản trị, SLMS sẽ được tích hợp theo các tiêu chuẩn của ISO 45001 (An toàn lao động) và ISO 14001 (Môi trường).

☑ Công tác quản lý rủi ro: Công ty đang nghiên cứu mô hình quản lý rủi ro doanh nghiệp theo khung Enterprise Risk Management (ERM). Xây dựng theo khung ERM sẽ giúp công ty nâng cao khả năng nhận diện, đánh giá và kiểm soát các nguy cơ trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty, cụ thể:

+ Tối ưu hóa các quy trình giám sát, tăng cường công tác kiểm tra và đánh giá nội bộ, đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ các quy định hiện hành.

+ Hợp tác với các bên liên quan trong ngành và các tổ chức đánh giá độc lập để đánh giá chính xác chất lượng của tất cả các hoạt động trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty.

☑ Cải thiện hệ thống báo cáo, xem xét nghiên cứu các hệ thống báo cáo thông minh, ứng dụng dữ liệu lớn (Big Data) để phân tích xu hướng, hỗ trợ cho việc lập kế hoạch tình huống và chính xác hơn trong việc ra quyết định.

2.2. ÁP DỤNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG TOÀN HỆ THỐNG

☑ Các quy trình, hướng dẫn và các văn bản phục vụ cho việc quản lý nội bộ công ty, quản lý tàu (SMMS) cần được số hóa. Xây dựng hệ thống báo cáo kịp thời theo thời gian thực (real-time reporting system). Đảm bảo các vấn đề được báo cáo nhanh chóng, từ đó các quyết định, hướng xử lý sẽ được đưa ra kịp thời, giảm thiểu rủi ro bị tắc nghẽn trong các hoạt động sản xuất kinh doanh.

☑ Nghiên cứu và đưa vào phần mềm quản lý đào tạo, đánh giá năng lực trực tuyến, giúp theo dõi quá trình học tập, đào tạo không chỉ của nhân viên trên bờ mà còn cả các thuyền viên trên tàu. Qua đó, hệ thống hoá quá trình phát triển, nâng cao năng lực nhân sự, hỗ trợ cải thiện hiệu suất làm việc trong toàn công ty.

2.3. ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ

☑ Phát triển các chương trình đào tạo chuyên sâu về an toàn, an ninh, sức khỏe và bảo vệ môi trường. Xây dựng các bài tập và xử lý các tình huống mô phỏng, phát triển mô hình học có tư duy (reflective learning) cho toàn bộ cán bộ nhân viên, thuyền viên của Công ty đồng thời xem xét kết hợp với các trung tâm đào tạo uy tín trong nước và quốc tế để xây dựng chương trình đào tạo.

☑ Nâng cao đào tạo về đạo đức (Ethic), tuân thủ (Compliance) và giải quyết các áp lực (Resilience) trong toàn hệ thống.

☑ Xây dựng các chính sách khuyến khích và phát triển nhân sự, đảm bảo người lao động có động lực làm việc, gắn bó lâu dài với công ty. Nghiên cứu và đưa các tiêu chuẩn về quyền con người (human rights) theo tuyên bố của liên hợp quốc, tháp nhu cầu cá nhân của Maslow trong quản lý nguồn nhân lực.

2.4. KIỂM SOÁT VÀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP CÔNG NGHỆ GIẢM PHÁT THẢI

☑ Nghiên cứu sử dụng các nhiên liệu sạch như LNG, Bio-fuel hay Ammonia theo xu hướng chuyển dịch năng lượng của thế giới để giảm phát thải khí nhà kính. Áp dụng các công nghệ xử lý khí thải tiên tiến cho đội tàu, nghiên cứu hoán cải hệ thống đẩy tàu để tăng hiệu quả sử dụng nhiên liệu.

☑ Tăng cường nghiên cứu và áp dụng các biện pháp trong sổ tay quản lý hiệu quả năng lượng, đề ra mục tiêu giảm phát thải hàng năm (từ 1% đến 2%) trong toàn bộ chuỗi giá trị của Công ty.

☑ Nghiên cứu các chương trình, dự án bù trừ carbon, tín chỉ carbon qua đó bù đắp cho lượng phát thải vượt hạn ngạch của Công ty.

2.5. NÂNG CAO KHẢ NĂNG ỨNG PHÓ KHẨN CẤP

☑ Ngoài công tác phòng ngừa, công tác ứng phó sự cố cũng rất quan trọng trong mọi hoạt động của Công ty. Việc triển khai xây dựng các kịch bản không chỉ trong hoạt động của đội tàu mà còn trong toàn bộ chuỗi giá trị sẽ nâng cao khả năng sinh tồn và vượt qua sự cố của Công ty.

☑ Triển khai công tác bảo vệ an ninh mạng cần được ưu tiên trong thời kỳ công nghệ số đang phát triển. Tăng cường các hành lang bảo vệ nhiều lớp trong hoạt động của Công ty và đội tàu sẽ giảm thiểu rủi ro về an ninh mạng.

2.6. HƯỚNG TỚI VIỆC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là mục tiêu Công ty xác định sẽ hướng tới trong tương lai và xây dựng các phương án thực hiện, cụ thể:

☑ Tích hợp các tiêu chuẩn ESG vào toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

☑ Nghiên cứu các khuôn khổ báo cáo phát triển bền vững, lựa chọn khuôn khổ phù hợp và tổ chức đánh giá.

☑ Nghiên cứu các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc (UN SDGs) bao gồm 17 mục tiêu và áp dụng vào trong hệ thống của Công ty. Có thể xem xét một số mục tiêu phù hợp bao gồm: 1 (Xóa đói), 2 (Xóa nghèo), 3 (Sức khỏe và phúc lợi tốt), 4 (Chất lượng giáo dục), 5 (Bình đẳng giới), 7 (Năng lượng sạch), 8 (Công việc tốt và tăng trưởng kinh tế), 12 (Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm), 13 (Hành động về khí hậu), 14 (Tài nguyên và môi trường biển), 17 (Quan hệ các đối tác vì các mục tiêu). Việc áp dụng các mục tiêu UN SDGs không chỉ trong nội bộ công ty mà còn hướng tới sự phát triển của cộng đồng. Thực hiện những việc này là sự cam kết mạnh mẽ của Công ty về phát triển bền vững.



3 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2024 - 2028

1. Đảm bảo xây dựng hệ thống ESG hoàn chỉnh và tích hợp vào chiến lược kinh doanh của Công ty.
2. Cải thiện hiệu suất ESG, giảm thiểu các rủi ro, tăng cường sự tuân thủ và nâng cao uy tín trên thị trường.
3. Đáp ứng tốt hơn các yêu cầu từ nhà đầu tư, khách hàng và cơ quan quản lý.

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN VII

CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN, SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI



1 HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ LAO ĐỘNG

Hệ thống quản lý an toàn và lao động (QLATLĐ) tại PVTrans Pacific đã được thiết lập từ 14/01/2022. Trong thời gian qua, hệ thống luôn được kiện toàn, phát triển từ Công ty đến Đội tàu, từ cấp lãnh đạo cao nhất đến các thuyền viên công tác trên đội tàu, cụ thể:

☑ Trong năm 2023, Công ty bắt đầu triển khai hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn đưa ra trong chương trình TMSA của OCIMF. Đến tháng 10/2024, hệ thống quản lý TMSA mức 2.5 đã được Oil Major ENOC đánh giá và công nhận.

☑ Công tác đánh giá tàu của các cơ quan Đăng kiểm được thực hiện định kỳ theo quy định, đảm bảo hệ thống QLATLĐ được vận hành thông suốt, hiệu quả.

☑ Các đợt kiểm tra SIRE Vetting theo quy định của OCIMF vẫn được tổ chức theo định kỳ và yêu cầu của Người thuê tàu, đảm bảo công tác khai thác thương mại của tàu được duy trì hiệu quả.

☑ Công tác đào tạo, nâng cao khả năng chuyên môn nghề nghiệp cho cán bộ trên văn phòng và thuyền viên dưới tàu được triển khai và vận hành hiệu quả, đảm bảo cán bộ quản lý trên văn phòng và thuyền viên được cập nhật kịp thời các quy định mới của ngành cũng như các công ước quốc tế.

☑ Công tác thực tập tàu bờ an toàn, an ninh được thực hiện hàng năm.

☑ Thực tập kết nối an ninh với cơ quan an ninh hàng hải của Chính quyền cờ.

☑ Các sự cố khi xảy ra, công tác phối hợp giữa tàu và bờ đảm bảo xử lý sự cố an toàn, kịp thời, không ảnh hưởng đến lịch trình hoạt động của tàu.

2 CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG

☑ Định kỳ, Công ty đã tổ chức triển khai đo kiểm tra môi trường lao động tại nơi làm việc và công tác bảo hộ lao động hiệu quả nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.

☑ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CBNV và hỗ trợ khám sức khỏe cho thuyền viên trước khi nhập tàu theo quy định của chính quyền cờ.

☑ Ngoài ra, để giúp người lao động được đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện, PVTrans Pacific nhiều năm qua đã áp dụng chính sách mua bảo hiểm PVI Care cho CBNV.

3 BÁO CÁO CÁC VẤN ĐỀ VỀ XÃ HỘI

3.1. VIỆC LÀM

☑ Tổng số lao động tính đến ngày 31/12/2024 là: 114 người.

☑ Thu nhập bình quân tháng của người lao động: 30 triệu đồng.

3.2. MỤC TIÊU ESG GIAI ĐOẠN ĐẦU

Song song với việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến công tác an sinh xã hội nhằm chung tay chia sẻ với cộng đồng và đẩy mạnh các hoạt động ý nghĩa thiết thực với các hoạt động cụ thể như sau:

☑ Tham gia hoạt động tài trợ xây dựng trường học tại trường THCS Thanh Lĩnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và trường THCS Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

☑ Tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào và các địa phương phía bắc bị ảnh hưởng trực tiếp bởi cơn bão số 3 (Yagi).

☑ Thăm và tặng quà cho Trung tâm Bảo trợ Xã hội tỉnh Quảng Nam; Tài trợ lắp đặt thang máy cho trung tâm bảo trợ trẻ khuyết tật tại Tp.HCM.

☑ Tổ chức thăm, tặng quà đội tàu hoạt động trong nước nhân dịp Tết Nguyên đán; Thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên, trợ giúp đối với CBNV, thuyền viên và gia đình khi ốm đau, ma chay, hiếu hỷ.

PETROVIETNAM
PVTRANS-PAC

PHẦN VIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

☑ Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

☑ **Vấn đề nhấn mạnh: Thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình.**

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific) như đính kèm dưới đây đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: www.pacificshipping.vn

Xác nhận của đại diện
Theo pháp luật của công ty

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0305475110 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG QUẬN 1 TP.HỒ CHÍ MINH

Hoàng Đức Chính

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Mạnh Tuấn	Chủ tịch
Ông Hoàng Đức Chính	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Dân	Thành viên
Bà Trần Thị Kim Khánh	Thành viên độc lập
Ông Trần Văn Luấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Ông Trần Duy Tân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Đức Chính	Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Khôi	Phó Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Hà	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Vinh	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Hà Hữu Anh	Thành viên
Ông Đỗ Như Tiến	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Hoàng Đức Chính
Giám đốc
Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam
Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
57-69F Đồng Khởi, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +84 28 7101 4555
Fax : +84 28 3910 0750
www.deloitte.com/vn

Số: 0299 */VN1A-HC-BC*

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát**
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 12 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited ("DTTL" hay "Deloitte Toàn cầu"), và mạng lưới các hãng thành viên trên toàn cầu (gọi chung là Tổ chức Deloitte). DTTL và mỗi thành viên trực thuộc là một pháp nhân riêng biệt và độc lập về mặt pháp lý, không bị ràng buộc lẫn nhau đối với các bên thứ ba. DTTL và mỗi thành viên trực thuộc chỉ chịu trách nhiệm cho hành vi và thiếu sót của mình, không phải chịu trách nhiệm lẫn nhau. DTTL không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết.

Deloitte.

MAKING AN IMPACT THAT MATTERS since 1845

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến người đọc đến Thuyết minh số 11a phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản cố định hữu hình. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Quang Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0733-2023-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 12 tháng 3 năm 2025
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.321.371.233.522**	**1.228.030.519.037**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4	**280.519.536.988**	**108.634.553.600**
1. Tiền	111		93.439.536.988	27.884.553.600
2. Các khoản tương đương tiền	112		187.080.000.000	80.750.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**720.810.000.000**	**875.099.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	720.810.000.000	875.099.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**300.150.143.115**	**225.239.870.262**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	288.077.960.710	185.783.494.282
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		49.846.320	514.586.763
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	85.095.510.318	115.385.744.881
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(73.073.174.233)	(76.443.955.664)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**16.025.826.200**	**13.662.305.251**
1. Hàng tồn kho	141	9	16.025.826.200	13.662.305.251
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**3.865.727.219**	**5.394.789.924**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.865.727.219	5.394.789.924
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.864.961.782.825**	**1.486.113.120.452**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**10.810.504.525**	**710.102.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.810.504.525	710.102.000
II.Tài sản cố định	**220**		**1.823.490.132.726**	**1.450.799.452.902**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11a	1.823.490.132.726	1.450.608.175.125
- Nguyên giá	*222*		*3.588.888.899.447*	*2.900.544.887.466*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.765.398.766.721)*	*(1.449.936.712.341)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11b	-	191.277.777
- Nguyên giá	*228*		*185.000.000*	*405.000.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(185.000.000)*	*(213.722.223)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**-**	**117.600.000**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	117.600.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**30.661.145.574**	**34.485.965.550**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.522.377.361	2.882.810.170
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	29.138.768.213	31.603.155.380
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**3.186.333.016.347**	**2.714.143.639.489**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ THÁI BÌNH DƯƠNG
Số 43 Đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.334.288.871.061**	**982.495.152.485**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**583.086.043.563**	**453.094.959.977**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	162.721.855.358	135.162.926.745
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	18.114.933.055	11.284.317.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	6.054.846.468	13.048.216.043
4. Phải trả người lao động	314		11.391.382.639	7.362.047.438
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	42.758.408.889	52.999.297.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	5.627.238.428	5.036.990.800
7. Vay ngắn hạn	320	18	194.367.703.474	171.304.165.340
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	138.457.733.600	54.172.476.700
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.591.941.652	2.724.522.108
II. Nợ dài hạn	**330**		**751.202.827.498**	**529.400.192.508**
1. Vay dài hạn	338	18	728.177.810.592	424.925.579.637
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	23.025.016.906	104.474.612.871
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.852.044.145.286**	**1.731.648.487.004**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	20	**1.852.044.145.286**	**1.731.648.487.004**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.037.024.520.000	942.750.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.037.024.520.000*	*942.750.280.000*
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		605.763.554.227	598.763.554.227
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.874.782.311	1.874.782.311
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.381.288.748	188.259.870.466
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*280.951.138*	*182.255.009*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*207.100.337.610*	*188.077.615.457*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**3.186.333.016.347**	**2.714.143.639.489**

Nguyễn Văn Hữu	Phan Phong Phúc	Hoàng Đức Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 12 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**		**1.794.466.662.341**	**1.661.181.333.140**
2.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)**	**10**	**23**	**1.794.466.662.341**	**1.661.181.333.140**
3.	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.456.572.461.919	1.416.477.560.423
4.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**337.894.200.422**	**244.703.772.717**
5.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	58.133.125.681	70.210.205.105
6.	Chi phí tài chính	22	27	76.339.688.402	49.004.819.153
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*41.853.366.307*	*30.740.733.572*
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	51.009.595.360	30.487.298.647
8.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)**	**30**		**268.678.042.341**	**235.421.860.022**
9.	Thu nhập khác	31		8.998.248	6.085.174
10.	Chi phí khác	32		449.167.580	170.203.330
11.	**Lỗ khác (40=31-32)**	**40**		**(440.169.332)**	**(164.118.156)**
12.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)**	**50**		**268.237.873.009**	**235.257.741.866**
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	58.673.148.232	58.335.844.869
14.	Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	2.464.387.167	(11.155.718.460)
15.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	**60**		**207.100.337.610**	**188.077.615.457**
16.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**30**	**1.877**	**1.705**

Nguyễn Văn Hữu	Phan Phong Phúc	Hoàng Đức Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***268.237.873.009***	***235.257.741.866***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	315.462.054.380	238.400.021.040
Các khoản dự phòng	03	(535.120.496)	56.409.904.971
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	13.956.280.206	19.312.140.337
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(47.264.249.556)	(67.813.568.974)
Chi phí lãi vay	06	41.853.366.307	30.740.733.572
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***591.710.203.850***	***512.306.972.812***
Thay đổi các khoản phải thu	09	(91.236.999.100)	269.968.465.390
Thay đổi hàng tồn kho	10	(2.363.520.949)	(7.127.663.988)
Thay đổi các khoản phải trả	11	26.040.557.520	(225.951.594.292)
Thay đổi chi phí trả trước	12	3.539.358.442	(7.648.793.386)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.980.474.843)	(30.907.502.495)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.956.692.355)	(63.094.883.049)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(10.417.237.384)	(12.275.815.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***418.335.195.181***	***435.269.185.461***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(688.344.011.981)	(580.622.581.192)
2. Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.568.291.000.000)	(1.537.187.000.000)
3. Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	1.722.580.000.000	855.558.000.000
4. Tiền thu từ lãi tiền gửi	27	57.108.578.771	52.528.179.160
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(476.946.433.210)***	***(1.209.723.402.032)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	477.970.600.000	397.162.850.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(173.212.654.716)	(174.822.664.249)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(74.918.533.600)	(93.686.422.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***229.839.411.684***	***128.653.763.751***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**171.228.173.655**	**(645.800.452.820)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**108.634.553.600**	**754.469.060.520**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	656.809.733	(34.054.100)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**280.519.536.988**	**108.634.553.600**

Nguyễn Văn Hữu	Phan Phong Phúc	Hoàng Đức Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 12 tháng 3 năm 2025

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0305475110 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 và sửa đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp này thay thế cho Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103009251 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 01 năm 2008.

Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 900/QĐ-SGDHCM ngày 26 tháng 12 năm 2022, với mã chứng khoán là PVP.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 114 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô, đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, lưu giữ hàng hóa, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, bốc xếp hàng hóa, bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, bán buôn chuyên doanh khác, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, kinh doanh vận tải đa phương quốc tế.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phương tiện vận tải	06 - 14	06 - 15
Thiết bị văn phòng	01 - 03	01 - 03

Trong năm 2024, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là Kho nổi FSO Đại Hùng Queen từ 15 năm xuống 14 năm, bắt đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Chi tiết của việc thay đổi thời gian hữu dụng được trình bày tại Thuyết minh số 11a.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba (03) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị khoản bảo lãnh vay, thiết bị văn phòng, chi phí cải tạo văn phòng, chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dự phòng sửa chữa tàu định kỳ được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh hàng năm căn cứ vào dự toán cho đến năm dự kiến việc sửa chữa tài sản xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính đó. Riêng chi phí sửa chữa định kỳ đối với tàu cho thuê sẽ do bên thuê tàu chịu trách nhiệm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác nếu có sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.220.955	42.232.106
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	93.438.316.033	27.842.321.494
Các khoản tương đương tiền (ii)	187.080.000.000	80.750.000.000
	280.519.536.988	**108.634.553.600**

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã cầm cố toàn bộ số dư tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam với số tiền 1.452.441,24 Đô la Mỹ và 25.522.855 đồng làm tài sản đảm bảo cho Thư tín dụng dự phòng để Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam bảo lãnh cho hợp đồng vay giữa Công ty với Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông.

(ii) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn không quá ba (03) tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,65%/năm đến 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,3%/năm đến 4,6%/năm).

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng từ 4,4%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4,6%/năm đến 7,7%/năm).

Tại thời điểm cuối năm, Công ty đã cầm cố một hợp đồng tiền gửi với số tiền 17.000.000.000 đồng, kỳ hạn từ ngày 02 tháng 12 năm 2024 đến ngày 03 tháng 3 năm 2025 làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thanh toán thuế hàng hóa nhập khẩu tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	260.587.783.387	162.973.415.810
Hafnia Pools Pte Ltd	26.728.051.804	-
Mcquilling Brokerage Partners Asia Pte Ltd	762.125.519	-
Trafigura Maritime Logistics Pte Ltd	-	11.616.718.750
Montfort Trading FZE	-	11.193.359.722
	288.077.960.710	**185.783.494.282**

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	9.028.464.216	18.872.793.431
Bà Huỳnh Thị Huyền Như (*)	73.073.174.233	76.443.955.664
Khác	2.432.440.229	19.737.972.232
Ký cược, ký quỹ	561.431.640	331.023.554
	85.095.510.318	**115.385.744.881**
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.810.504.525	710.102.000
	10.810.504.525	**710.102.000**

(*) Khoản phải thu này đã được lập dự phòng toàn bộ được đề cập tại Thuyết minh số 08.

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đây là khoản dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi của Bà Huỳnh Thị Huyền Như phát sinh từ năm 2011. Theo Nghị Quyết 03/NQ-TBD-HDQT ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc Công ty đánh giá số tiền này không có khả năng thu hồi, nên đã quyết định chuyển ra tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán để tiếp tục theo dõi và xử lý theo quy định. Tuy nhiên, Công ty đã ghi nhận như một khoản phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Công văn 1123/KTNN – CNVI ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Kiểm toán Nhà nước.

Trong năm 2024, Công ty thu hồi được số tiền bồi thường là 3.370.781.431 đồng, còn phải thu số tiền là 73.073.174.233 đồng. Công ty cũng đã giảm dự phòng khoản phải thu từ bà Huỳnh Thị Huyền Như theo số tiền tương ứng.

9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện giá trị nhiên liệu, vật tư và phụ tùng tồn trên tàu tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được sử dụng trong quá trình vận hành tàu.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm	2.091.237.869	1.345.219.187
Khác	1.774.489.350	4.049.570.737
	3.865.727.219	**5.394.789.924**
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo văn phòng	953.792.206	2.882.810.170
Khác	568.585.155	-
	1.522.377.361	**2.882.810.170**

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	170.100.000	2.900.374.787.466	2.900.544.887.466
Tăng trong năm	327.050.000	688.016.961.981	688.344.011.981
Số dư cuối năm	497.150.000	3.588.391.749.447	3.588.888.899.447
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	119.558.339	1.449.817.154.002	1.449.936.712.341
Khấu hao trong năm	75.291.398	315.386.762.982	315.462.054.380
Số dư cuối năm	194.849.737	1.765.203.916.984	1.765.398.766.721
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**50.541.661**	**1.450.557.633.464**	**1.450.608.175.125**
Tại ngày cuối năm	**302.300.263**	**1.823.187.832.463**	**1.823.490.132.726**

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, Công ty đã thế chấp các tài sản:

- Kho nổi FSO Đại Hùng Queen 105.000 DWT với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 649.429.957.356 đồng để đảm bảo cho khoản vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN") thông qua Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Trong năm 2024, công ty đã tiến hành trả hết nợ vay cho PVN thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí theo Nghị quyết số 27/NQ-TBD-HĐQT ngày 23 tháng 12 năm 2023. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện xóa thế chấp tài sản này.

- Tàu Apollo với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 36.475.997.439 đồng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Tân Bình;

- Tàu Pacific Era với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 469.609.503.273 đồng là tài sản đảm bảo cho Thư tín dụng dự phòng để Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam bảo lãnh cho hợp đồng vay giữa Công ty với Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông; và

- Trong năm 2024, Công ty đã mua mới phương tiện vận tải là Tàu Pacific Pride với giá trị là 688.016.961.981 đồng, giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 667.672.374.395 đồng. Công ty đã thế chấp toàn bộ quyền tài sản và toàn bộ tài sản là Tàu Pacific Pride thuộc dự án đầu tư để đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn.

Giá trị tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2024 là 78.200.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 78.200.000 đồng).

Trong năm 2024, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian hữu dụng của phương tiện vận tải của Công ty là Kho nổi FSO Đại Hùng Queen từ 15 năm xuống 14 năm, áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2024. Ban Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc thay đổi thời gian hữu dụng của tài sản là phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tài sản, tình trạng kỹ thuật và kế hoạch khai thác của phương tiện này. Nếu thời gian hữu dụng trước đây được tiếp tục sử dụng, giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp năm 2024 sẽ giảm với số tiền là 22.130.500.006 đồng và lợi nhuận trước thuế trong năm 2024 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

b. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	405.000.000	405.000.000
Tăng trong năm	645.403.865	645.403.865
Phân loại lại	(865.403.865)	(865.403.865)
Số dư cuối năm	**185.000.000**	**185.000.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	213.722.223	213.722.223
Khấu hao trong năm	186.818.714	186.818.714
Phân loại lại	(215.540.937)	(215.540.937)
Số dư cuối năm	**185.000.000**	**185.000.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	**191.277.777**	**191.277.777**
Tại ngày cuối năm	**-**	**-**

Giá trị tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 31 tháng 12 năm 2024 là 185.000.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 185.000.000 đồng).

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Các khoản dự phòng
	VND
Số dư đầu năm	**31.603.155.380**
Ghi vào kết quả kinh doanh trong năm	(2.464.387.167)
Số dư cuối năm	**29.138.768.213**

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	45.688.725.181	51.202.954.149
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhiên liệu Tàu biển Vina	64.302.683.310	29.209.152.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	1.246.848.510	-
Mcquilling Brokerage Partners Asia Pte Ltd	813.751.825	766.940.625
Zhoushan Xinya Shipyard Co., Ltd	-	13.832.133.665
Khác	50.669.846.532	40.151.746.306
	162.721.855.358	**135.162.926.745**

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Sinopec Fuel Oil (Singapore)	14.580.515.626	-
WSC Shipping Pte Ltd	3.534.417.429	-
Vitol International Shipping Pte. Ltd	-	11.284.317.514
	18.114.933.055	**11.284.317.514**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.296.231.475	18.255.309.210	21.754.398.687	797.141.998
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	3.305.699.983	3.305.699.983	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	810.044.312	810.044.312	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.598.282.939	58.673.148.232	62.956.692.355	4.314.738.816
Thuế thu nhập cá nhân	153.701.629	3.056.540.239	2.267.276.214	942.965.654
Thuế nhà thầu	-	4.175.577.857	4.175.577.857	-
Khác	-	854.932.200	854.932.200	-
	13.048.216.043	**89.131.252.033**	**96.124.621.608**	**6.054.846.468**

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí vận hành tàu	34.451.925.771	50.728.247.296
Chi phí lãi vay	7.742.322.952	1.616.387.075
Khác	564.160.166	654.662.918
	42.758.408.889	**52.999.297.289**

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Bên liên quan (Thuyết minh số 33)	30.815.424	-
Cổ tức phải trả	5.511.734.200	5.010.245.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.688.804	26.745.400
	5.627.238.428	**5.036.990.800**

	Phát sinh trong năm				Số cuối năm
			VND		VND
	Tăng	Chuyển từ vay dài hạn sang ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Thanh toán	Giá trị
	-	183.836.840.922	12.439.351.928	173.212.654.716	194.367.703.474
	477.970.600.000	(183.836.840.922)	9.118.471.877	-	728.177.810.592
	477.970.600.000	**-**	**21.557.823.805**	**173.212.654.716**	**922.545.514.066**

Chi tiết số dư các khoản vay tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Vay dài hạn đến hạn trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	-	50.862.841.914
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii)	16.310.821.518	15.560.060.078
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	43.869.125.124	41.870.625.588
Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông (iv)	65.901.956.832	63.010.637.760
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (v)	68.285.800.000	-
	194.367.703.474	**171.304.165.340**
b. Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (ii)	-	15.561.475.337
Ngân hàng TMCP Phương Đông (iii)	21.934.409.256	62.805.792.060
Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông (iv)	296.558.601.336	346.558.312.240
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (v)	409.684.800.000	-
	728.177.810.592	**424.925.579.637**

	Số đầu năm	
	VND	
	Giá trị	
Vay dài hạn đến hạn trả	171.304.165.340	
Vay dài hạn	424.925.579.637	477.970.600.000
	596.229.744.977	**477.970.600.000**

(i) Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thông qua Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí với số tiền là 627 tỷ đồng nhằm hỗ trợ cho Công ty thanh toán số tiền vay từ Ngân hàng Citibank Việt Nam. Như trình bày tại Thuyết minh số 11a, khoản vay này có tài sản đảm bảo là kho nổi FSO Đại Hùng Queen 105.000 DWT. Khoản vay chịu lãi suất 2,5%/năm và sẽ được thanh toán trong 10 năm bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2015.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã ra Nghị quyết số 27/NQ-TBD-HĐQT chấp thuận phương án trả nợ trước hạn cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, khoản vay còn lại sẽ được thanh toán trước ngày 31 tháng 3 năm 2024. Trong năm, Công ty đã thanh toán hết các khoản vay thông qua Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện xóa thế chấp tài sản này.

(ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam với tổng hạn mức là 10 triệu Đô la Mỹ để thực hiện dự án chuyển đổi tàu chở dầu thô 105.000 DWT thành kho nổi. Khoản vay này không có đảm bảo, chịu lãi suất hàng năm là 3% trong năm đầu tiên và 2,5% ở các năm tiếp theo và đến hạn thanh toán trong vòng mười năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên vào ngày 11 tháng 12 năm 2015.

(iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình với tổng hạn mức 13 triệu Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu chở dầu Apollo. Như trình bày tại Thuyết minh số 11a, khoản vay này được đảm bảo bằng tàu chở dầu Apollo. Khoản vay chịu lãi suất 5,35%/năm trong sáu (06) tháng đầu tiên; từ tháng thứ bảy trở đi, lãi suất được điều chỉnh định kỳ sáu (06) tháng một lần, bằng lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm (SOFR) cộng thêm 3,38%/năm và sẽ được thanh toán trong 84 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đầu tiên (ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 22 tháng 6 năm 2026).

(iv) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông với tổng hạn mức 16.765.000 Đô la Mỹ để đầu tư mua tàu chở dầu, hóa chất Pacific Era. Như trình bày tại Thuyết minh số 04 và 11a, khoản vay này được bảo lãnh thông qua Thư tín dụng dự phòng phát hành bởi Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam. Công ty đã cầm cố toàn bộ số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH Một thành viên Woori Việt Nam, thế chấp tàu chở dầu Pacific Era và các tài khoản phải thu, doanh thu từ tàu để đảm bảo cho Thư tín dụng dự phòng này. Khoản vay chịu lãi suất bằng lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm (SOFR) cộng thêm 1,8%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ ba (03) tháng một lần và sẽ được thanh toán vào ngày cuối mỗi quý. Khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng bảy năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên vào ngày 14 tháng 6 năm 2023.

(v) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với tổng hạn mức 498.090.000.000 đồng để thực hiện tài trợ, đầu tư thực hiện và thanh toán dự án tàu MR số 2 - tàu Pacific Pride. Khoản vay được đảm bảo bởi quyền thế chấp toàn bộ Quyền tài sản thuộc dự án đầu tư tàu MR số 2, bao gồm nhưng không giới hạn: Quyền tài sản phát sinh; Quyền thụ hưởng; Lợi ích thu được từ việc kinh doanh, khai thác dự án; Quyền đòi nợ, các khoản phí mà Công ty thu được trong quá trình đầu tư, kinh doanh, phát triển dự án. Khoản vay chịu lãi suất 6,5%/năm trong hai (02) năm đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Các năm còn lại, lãi suất sẽ điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam 12 tháng trả lãi cuối kỳ được công bố bởi ngân hàng trong từng thời kỳ cộng (+) biên độ 2,0%/năm - 2,1%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	194.367.703.474	171.304.165.340
Trong năm thứ hai	156.117.166.088	120.442.738.685
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	402.548.270.496	209.967.079.752
Sau năm thứ năm	169.512.374.008	94.515.761.200
	922.545.514.066	**596.229.744.977**
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	(194.367.703.474)	(171.304.165.340)
Số phải trả sau 12 tháng	**728.177.810.592**	**424.925.579.637**

19. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Sửa chữa định kỳ tàu VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	**158.647.089.571**	**158.647.089.571**
Trích lập trong năm	75.065.660.933	75.065.660.933
Sử dụng trong năm	(37.223.294.951)	(37.223.294.951)
Hoàn nhập trong năm	(35.006.705.047)	(35.006.705.047)
Số dư cuối năm	**161.482.750.506**	**161.482.750.506**

Trong đó:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng phải trả ngắn hạn	138.457.733.600	54.172.476.700
Dự phòng phải trả dài hạn	23.025.016.906	104.474.612.871
	161.482.750.506	**158.647.089.571**

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn cổ phần đã phát hành

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phần được phép phát hành	103.702.452	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	**1.037.024.520.000**	**942.750.280.000**
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đủ	103.702.452	94.275.028
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	**1.037.024.520.000**	**942.750.280.000**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	**942.750.280.000**	**1.874.782.311**	**216.421.007.051**	**489.763.554.227**	**1.650.809.623.589**
Lợi nhuận trong năm	-	-	188.077.615.457	-	188.077.615.457
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	(109.000.000.000)	109.000.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(10.803.103.368)	-	(10.803.103.368)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	-	(2.160.620.674)	-	(2.160.620.674)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	(94.275.028.000)	-	(94.275.028.000)
Số dư cuối năm trước	**942.750.280.000**	**1.874.782.311**	**188.259.870.466**	**598.763.554.227**	**1.731.648.487.004**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)	94.274.240.000	-	(94.274.240.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	207.100.337.610	-	207.100.337.610
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	(7.000.000.000)	7.000.000.000	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(9.403.880.773)	-	(9.403.880.773)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành (*)	-	-	(1.880.776.155)	-	(1.880.776.155)
Chia cổ tức cho cổ đông (**)	-	-	(75.420.022.400)	-	(75.420.022.400)
Số dư cuối năm nay	**1.037.024.520.000**	**1.874.782.311**	**207.381.288.748**	**605.763.554.227**	**1.852.044.145.286**

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung quỹ đầu tư và phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành của Công ty với số tiền lần lượt là 7.000.000.000 đồng, 9.403.880.773 đồng và 1.880.776.155 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024.

(**) Đại hội đồng Cổ đông đã ra Nghị quyết số 01/NQ-TBD-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 thông qua việc chia cổ tức như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền tỷ lệ 8% vốn điều lệ (tương đương 75.420.022.400 đồng). Theo Thông báo số 1332/TB-SGDHCM ngày 18 tháng 7 năm 2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo về ngày đăng ký cuối cùng và ngày trả cổ tức lần lượt là ngày 26 tháng 7 năm 2024 và ngày 30 tháng 9 năm 2024. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này.

- Chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu bằng phát hành cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2023 với số lượng và giá trị vốn cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức lần lượt là 9.427.424 cổ phiếu và 94.274.240.000 đồng. Trong năm, Công ty đã hoàn thành các thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 10 năm 2024.

Chi tiết các cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần tại ngày kết thúc và bắt đầu năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	673.200.000.000	64,92%	612.000.000.000	64,92%
Ông Lê Ngọc Anh	69.492.500.000	6,70%	-	-
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	16.500.000.000	1,59%	53.000.000.000	5,62%
Các cổ đông khác	277.832.020.000	26,79%	277.750.280.000	29,46%
	1.037.024.520.000	**100.00%**	**942.750.280.000**	**100.00%**

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.094.204.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 4.248.612.000 đồng) (Thuyết minh số 31).

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ ("USD")	3.473.664	895.515
Đô la Singapore ("SGD")	73	73
Euro ("EUR")	100	100

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành ba bộ phận hoạt động: Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh cho thuê kho chứa nổi FSO và Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải: kinh doanh vận tải bằng tàu;
- Bộ phận kinh doanh dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO: cung cấp kho nổi, quản lý và cung cấp các dịch vụ liên quan đến kho nổi cho mỏ dầu; và
- Bộ phận kinh doanh thương mại và dịch vụ khác: kinh doanh mua bán hàng hóa, trang thiết bị liên quan đến dầu khí, cung cấp dịch vụ quản lý tàu biển, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải và các dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán

	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2024				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	1.189.783.701.307	716.212.517.356	193.805.223.387	2.099.801.442.050
Tài sản không phân bổ				1.086.531.574.297
Tổng tài sản				**3.186.333.016.347**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	939.545.669.535	154.768.555.118	27.700.383.119	1.122.014.607.772
Nợ phải trả không phân bổ				212.274.263.289
Tổng nợ phải trả				**1.334.288.871.061**
31/12/2023				
Tài sản				
Tài sản bộ phận	690.559.314.769	847.619.381.458	111.824.736.770	1.650.003.432.997
Tài sản không phân bổ				1.064.140.206.492
Tổng tài sản				**2.714.143.639.489**
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	623.090.336.772	134.964.835.615	58.834.226.971	816.889.399.358
Nợ phải trả không phân bổ				165.605.753.127
Tổng nợ phải trả				**982.495.152.485**

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm nay	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	525.360.569.795	251.983.680.000	1.017.122.412.546	1.794.466.662.341
Giá vốn				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	266.008.131.194	181.655.178.462	1.008.909.152.263	1.456.572.461.919
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	259.352.438.601	70.328.501.538	8.213.260.283	337.894.200.422
Chi phí không phân bổ				(51.009.595.360)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				286.884.605.062
Doanh thu hoạt động tài chính				58.133.125.681
Lỗ khác				(440.169.332)
Chi phí tài chính				(76.339.688.402)
Lợi nhuận trước thuế				268.237.873.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(58.673.148.232)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(2.464.387.167)
Lợi nhuận trong năm				207.100.337.610
Thông tin khác				
Khấu hao				315.462.054.380

Năm trước	Dịch vụ vận tải	Dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	Thương mại và dịch vụ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	406.964.031.090	258.005.360.000	996.211.942.050	1.661.181.333.140
Giá vốn				
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	265.637.289.811	159.524.678.456	991.315.592.156	1.416.477.560.423
Lợi nhuận gộp				
Lợi nhuận gộp	141.326.741.279	98.480.681.544	4.896.349.894	244.703.772.717
Chi phí không phân bổ				(30.487.298.647)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				214.216.474.070
Doanh thu hoạt động tài chính				70.210.205.105
Lỗ khác				(164.118.156)
Chi phí tài chính				(49.004.819.153)
Lợi nhuận trước thuế				235.257.741.866
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				(58.335.844.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				11.155.718.460
Lợi nhuận trong năm				188.077.615.457
Thông tin khác				
Khấu hao				238.400.021.040

Bộ phận theo khu vực địa lý

Về mặt địa lý, doanh thu từ cho thuê kho chứa nổi FSO và Thương mại và dịch vụ khác toàn bộ được thực hiện ở Việt Nam (trình bày tại Thuyết minh số 23 và 24), trong khi doanh thu vận tải được thực hiện ở cả Việt Nam và quốc tế.

Chi tiết doanh thu và giá vốn dịch vụ vận tải theo khu vực địa lý như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu vận tải		
Vận tải nội địa	-	-
Vận tải quốc tế	525.360.569.795	406.964.031.090
	525.360.569.795	**406.964.031.090**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn vận tải		
Vận tải nội địa	-	-
Vận tải quốc tế	266.088.131.194	265.637.289.811
	266.088.131.194	**265.637.289.811**

Do đặc thù kinh doanh vận tải bằng tàu biển, tàu biển có thể vừa chạy tuyến nội địa, vừa chạy tuyến quốc tế nên Ban Giám đốc không tách được tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không tách và trình bày tài sản và nợ phải trả cho hoạt động vận tải nội địa và vận tải quốc tế là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ vận tải	525.360.569.795	406.964.031.090
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	251.983.680.000	258.005.360.000
Doanh thu dịch vụ quản lý tàu	5.806.850.000	6.323.225.000
Doanh thu thương mại và dịch vụ khác	1.011.315.562.546	989.888.717.050
	1.794.466.662.341	**1.661.181.333.140**
Trong đó:		
- Doanh thu với các bên liên quan (Xem thuyết minh số 33)	*990.279.776.811*	*1.030.915.365.401*

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận tải	266.008.131.194	265.637.289.811
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho chứa nổi FSO	181.655.178.462	159.524.678.456
Giá vốn dịch vụ quản lý tàu	5.585.770.669	5.094.518.091
Giá vốn thương mại và dịch vụ khác	1.003.323.381.594	986.221.074.065
	1.456.572.461.919	**1.416.477.560.423**

25. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.867.824.958	36.587.664.499
Chi phí nhân công	48.609.074.117	28.307.821.561
Chi phí khấu hao tài sản cố định	315.462.054.380	238.400.021.040
Chi phí dịch vụ mua ngoài	758.721.145.545	813.759.266.909
Chi phí khác bằng tiền	102.754.778.308	119.301.069.127
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(3.370.781.431)	(1.166.543.866)
	1.237.044.095.877	**1.235.189.299.270**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	47.264.249.556	67.813.568.974
Lãi chênh lệch tỷ giá	10.868.876.125	2.396.636.131
	58.133.125.681	**70.210.205.105**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	41.853.366.307	30.740.733.572
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.587.505.928	16.149.954.734
Phí bảo lãnh thư tín dụng	3.898.816.167	2.114.130.847
	76.339.688.402	**49.004.819.153**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	17.981.854.068	12.427.692.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.247.819.584	4.896.658.631
Chi phí khác bằng tiền	22.150.703.139	14.329.491.267
Hoàn nhập dự phòng phải thu	(3.370.781.431)	(1.166.543.866)
	51.009.595.360	**30.487.298.647**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	58.673.148.232	58.335.844.869
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**58.673.148.232**	**58.335.844.869**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	268.237.873.009	235.257.741.866
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	*25.127.868.150*	*56.421.482.479*
Thu nhập tính thuế	**293.365.741.159**	**291.679.224.345**
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	**58.673.148.232**	**58.335.844.869**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	207.100.337.610	188.077.615.457
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý, điều hành (*)	(12.426.020.257)	(11.284.656.928)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**194.674.317.353**	**176.792.958.529**
Cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (Cổ phần)	103.702.452	103.702.452
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.877**	**1.705**

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính trên cơ sở của lợi nhuận sau thuế như trên và số liệu ước tính quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 6% lợi nhuận sau thuế và quỹ thưởng ban quản lý, điều hành tương ứng với tỷ lệ trích trong năm 2023 của Công ty. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm do Công ty chưa có kế hoạch cho việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ vào số quỹ khen thưởng, phúc lợi thực tế được phân phối từ lợi nhuận năm 2023. Chi tiết như sau:

	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.284.656.927	1	11.284.656.928
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	176.792.958.530	(1)	176.792.958.529
Cổ phần phổ thông đang lưu hành trong năm (Cổ phần)	94.275.028	9.427.424	103.702.452
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.875	(170)	1.705

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	3.575.940.000	3.449.458.229

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.094.204.000	2.832.408.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	1.416.204.000
	2.094.204.000	**4.248.612.000**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải thanh toán cho việc thuê văn phòng Công ty và các khoản thuê xe hoạt động. Hợp đồng thuê văn phòng được ký mới với thời hạn 30 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến 30 tháng 6 năm 2025. Các hợp đồng thuê xe được tự động gia hạn với thời hạn 1 năm.

Công ty là bên cho thuê:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	777.344.249.795	646.827.375.388

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết cho thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	239.884.718.954	254.800.356.250
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	94.321.760.000
	239.884.718.954	**349.122.116.250**

Khoản cam kết cho thuê hoạt động thể hiện khoản tiền Công ty sẽ thu từ:

- Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí từ việc cho thuê kho nổi FSO Đại Hùng Queen với thời hạn cho thuê năm (05) năm tính từ ngày 17 tháng 5 năm 2015 và được gia hạn thêm mỗi năm từ ngày 17 tháng 5 năm 2021. Theo Phụ lục hợp đồng 08, Hợp đồng thuê kho nổi FSO Đại Hùng Queen đã được gia hạn đến ngày 17 tháng 5 năm 2025; và

- Các khách hàng khác từ việc cho thuê các tàu còn lại với thời hạn thuê từ 6 tháng đến 1 năm.

Cam kết đầu tư tài sản có giá trị lớn:

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông đã phê duyệt các chỉ tiêu đầu tư trong năm như sau:

- Dự án đầu tư chuyển tiếp và bổ sung chủng loại:
  - Đầu tư 02 tàu MR (trọng tải 45.000 - 55.000 DWT) với tổng mức đầu tư 56 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 17,04 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 38,96 triệu Đô la Mỹ; hoặc
  - Đầu tư 01 tàu Aframax (trọng tải 80.000 - 120.000 DWT) với tổng mức đầu tư 56 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 16,92 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 39,08 triệu Đô la Mỹ.

- Dự án đầu tư mới:
  - Đầu tư 01 tàu Aframax (trọng tải 80.000 - 120.000 DWT) với tổng mức đầu tư 56 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 16,92 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 39,08 triệu Đô la Mỹ; hoặc
  - Đầu tư 02 tàu MR (trọng tải 45.000 - 55.000 DWT) với tổng mức đầu tư 56 triệu Đô la Mỹ, trong đó, vốn chủ sở hữu là 17,04 triệu Đô la Mỹ và vốn vay là 38,96 triệu Đô la Mỹ.

Trong năm 2024, Công ty đã hoàn tất đầu tư tàu Pacific Pride (Dự án đầu tư mua tàu MR số 02) và đã đưa vào sử dụng.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 trừ tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	922.545.514.066	596.229.744.977
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	280.519.536.988	108.634.553.600
Nợ thuần	642.025.977.078	487.595.191.377
Vốn chủ sở hữu	1.852.044.145.286	1.731.648.487.004
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,35**	**0,28**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.519.536.988	108.634.553.600
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720.810.000.000	875.099.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	310.910.801.320	225.435.385.499
	1.312.240.338.308	**1.209.168.939.099**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	922.545.514.066	596.229.744.977
Phải trả người bán và phải trả khác	168.349.093.786	140.199.917.545
Chi phí phải trả	42.758.408.889	52.999.297.289
	1.133.653.016.741	**789.428.959.811**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện ở cả Việt Nam và quốc tế. Các hoạt động sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái (chủ yếu đối với các hoạt động quốc tế, phần lớn đến từ một khoản vay ngoại tệ của Ngân hàng Woori, Chi nhánh Hồng Kông và các tài sản, công nợ có gốc ngoại tệ khác) và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	127.515.240.268	46.502.728.945	482.188.477.657	586.464.580.403
Euro ("EUR")	2.638.900	2.661.200	919.466.795	-
Đô la Singapore ("SGD")	1.340.414	1.314.595	867.235.193	1.394.617.988

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của USD, SGD và EUR.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đô la Mỹ ("USD")	(10.640.197.122)	(16.198.855.544)
Euro ("EUR")	(27.504.837)	79.836
Đô la Singapore ("SGD")	(25.976.843)	(41.799.102)
	(10.693.678.802)	**(16.240.574.810)**

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty trong năm 2024 sẽ giảm/tăng với số tiền là 9.225.455.141 đồng (năm trước: lợi nhuận trước thuế giảm/tăng 5.962.297.450 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng có uy tín trên thị trường.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.519.536.988	-	280.519.536.988
Phải thu khách hàng và phải thu khác	300.100.296.795	10.810.504.525	310.910.801.320
Đầu tư tài chính ngắn hạn	720.810.000.000	-	720.810.000.000
	1.301.429.833.783	**10.810.504.525**	**1.312.240.338.308**
Các khoản vay	194.367.703.474	728.177.810.592	922.545.514.066
Phải trả người bán và phải trả khác	168.349.093.786	-	168.349.093.786
Chi phí phải trả	42.758.408.889	-	42.758.408.889
	405.475.206.149	**728.177.810.592**	**1.133.653.016.741**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**895.954.627.634**	**(717.367.306.067)**	**178.587.321.567**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2023			
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.634.553.600	-	108.634.553.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác	224.725.283.499	710.102.000	225.435.385.499
Đầu tư tài chính ngắn hạn	875.099.000.000	-	875.099.000.000
	1.208.458.837.099	**710.102.000**	**1.209.168.939.099**
Các khoản vay	171.304.165.340	424.925.579.637	596.229.744.977
Phải trả người bán và phải trả khác	140.199.917.545	-	140.199.917.545
Chi phí phải trả	52.999.297.289	-	52.999.297.289
	364.503.380.174	**424.925.579.637**	**789.428.959.811**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**843.955.456.925**	**(424.215.477.637)**	**419.739.979.288**

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức có thể kiểm soát được và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN")	Công ty mẹ của cả tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Quản lý tàu (PSM)	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí – Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt (trước đây tên là "Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt")	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Cùng Công ty mẹ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sơn dầu khí Việt Nam (PV Paint)	Công ty liên doanh của PVN
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP	Công ty con của PVN
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	Công ty con của PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)	Công ty con của PVN
Công ty Bảo hiểm PVI phía Nam	Công ty con của PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty con của PVN
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty con của PVN
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Hóa chất Dầu khí SBD	Công ty con của PVN
Các ông/bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Người nội bộ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	990.279.776.811	1.030.915.365.401
	990.279.776.811	**1.030.915.365.401**
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ Phần Hàng Hải Thăng Long	144.426.485.415	140.347.751.029
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	69.862.105.416	71.033.838.945
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	10.715.334.180	-
Tổng Công ty Bảo Hiểm PVI	10.106.366.668	7.591.711.709
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu (PSM)	7.399.904.419	12.582.709.915
Công ty Bảo hiểm PVI Bến Thành	1.073.662.535	757.705.377
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP HCM	784.455.000	781.240.000
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam (PV Paint)	266.920.000	620.720.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	155.703.550	95.723.550
TCT Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	92.592.593	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Tiếp vận Phương Đông Việt	31.500.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	69.463.181.418
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	-	12.754.125.255
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	340.064.882
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN HCM	-	124.617.000
	244.915.029.776	**316.493.389.080**
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	708.085.704	3.378.103.626
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	319.347.594	1.053.458.643
	1.027.433.298	**4.431.562.269**
Cổ tức chi trả bằng tiền mặt		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	48.960.000.000	61.200.000.000
Cổ tức chi trả bằng cổ phiếu		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	61.200.000.000	-
Trả nợ vay		
a. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	15.933.040.104	14.374.723.264
b. Các khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí		
Trả nợ vay Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.862.841.914	118.775.350.250

Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Giám đốc		
Ông Hoàng Đức Chính	987.811.462	1.014.179.636
Ông Vũ Ngọc Khôi	722.654.248	725.108.759
Ông Ngô Mạnh Hà	662.271.292	648.926.914
Ông Bùi Văn Vinh	593.467.337	454.914.856
	2.966.204.339	**2.843.130.165**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Lê Mạnh Tuấn	72.000.000	72.000.000
Ông Hoàng Đức Chính	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thế Dân	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Văn Vinh	-	18.000.000
Bà Trần Thị Kim Khánh	180.000.000	120.000.000
Ông Trần Duy Tân	23.939.394	42.000.000
Ông Trần Văn Luấn	36.060.606	-
	432.000.000	**372.000.000**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Ban Kiểm soát		
Bà Huỳnh Thị Hồng Hạnh	48.000.000	48.000.000
Ông Hà Hữu Anh	30.000.000	30.000.000
Ông Đỗ Như Tiến	30.000.000	30.000.000
	108.000.000	**108.000.000**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	260.587.783.387	162.973.415.810
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	503.348.384	480.005.904
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (*)	463.424.657	6.404.123.287
	966.773.041	**6.884.129.191**

(*) Phải thu Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam thể hiện lãi dự thu tiền gửi ngân hàng.

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Hàng hải Thăng Long	32.529.843.900	23.376.194.815
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	11.856.850.401	12.814.345.022
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Quản lý tàu (PSM)	956.152.080	756.013.132
Công ty CP Sơn Dầu khí Việt Nam	266.920.000	222.540.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại TP.HCM	70.804.800	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	8.154.000	92.787.930
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	13.941.073.250
	45.688.725.181	**51.202.954.149**
Các khoản phải trả khác		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	30.815.424	-
Các khoản vay		
a. Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	16.310.821.518	31.121.535.415
b. Các khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí		
Vay từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	50.862.841.914

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 9.028.464.216 đồng (năm 2023: 18.872.793.431 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 7.742.322.952 đồng (năm 2023: 1.614.061.304 đồng), là số tiền lãi phát sinh trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Khoản chi cổ tức cho cổ đông không bao gồm 5.511.734.200 đồng (năm 2023: 5.010.245.400 đồng), là số tiền cổ tức chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Nguyễn Văn Hữu	**Phan Phong Phúc**	**Hoàng Đức Chính**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 12 tháng 3 năm 2025